

DÀN LẠNH

MULTI V™

Nhà cung cấp giải pháp điều hòa không khí toàn diện

LG

www.lg.com/vn/business | www.partner.lge.com

kW		1,5	2,2	2,8	3,6	4,5	5,6	6,2	7,1	8,2	9,0	10,6	12,3	14,1	15,8	22,4	28,0
Chủng loại	Btu/h	5k	7k	9k	12k	15k	18k	21k	24k	28k	30k	36k	42k	48k	54k	76k	96k
Dàn lạnh treo tường	Dàn lạnh tiêu chuẩn	●	●	●	●	●	●		●								
Dàn lạnh cassette âm trần	Dàn lạnh cassette 4 hướng thổi (570 × 570)	●	●	●	●	●	●	●									
	Dàn lạnh cassette 4 hướng thổi (840 × 840)								●	●	●	●	●	●	●		
	Dàn lạnh cassette Dual Vane 4 hướng thổi (840 × 840)								●	●	●	●	●	●			
	Dàn lạnh cassette tròn								●			●		●			
	Dàn lạnh cassette 2 hướng thổi			●	●		●		●								
	Dàn lạnh cassette 1 hướng thổi		●	●	●		●		●								
Dàn lạnh âm trần nối ống gió	Dàn lạnh âm trần nối ống gió áp suất tĩnh cao															●	●
	Dàn lạnh âm trần nối ống gió áp suất tĩnh trung bình		●	●	●	●	●		●	●		●	●	●	●		
	Dàn lạnh âm trần nối ống gió áp suất tĩnh thấp (Loại mỏng)	●	●	●	●	●	●	●	●								
Thiết bị cấp khí tươi														●		●	●
Dàn lạnh áp trần							●		●			●		●			
Tủ đứng đặt sàn (PAC)														●			●

Giám sát điện năng	2 điểm nhiệt độ cài đặt	Đặt lịch vận hành khi có người/ không có người	Điều khiển theo nhóm	Chạy thử (Làm lạnh)	Chạy thử (Sưởi ấm)	Giám sát thông tin sản phẩm	Kiểm tra địa chỉ dàn lạnh	Phát hiện rò rỉ môi chất lạnh	Cài đặt phạm vi bật/tắt nhiệt độ (Làm lạnh)	Cài đặt phạm vi bật/tắt nhiệt độ (Sưởi ấm)	Điều khiển áp suất tĩnh 11 bước (Chỉ dành cho loại dàn lạnh âm trần nối ống gió)	1 đầu vào tín hiệu bên ngoài (Điều khiển bật/tắt)	Thông báo bộ lọc (Thời gian còn lại)	Chức năng tự động khởi động lại Kích hoạt/ không kích hoạt	Hỗ trợ kết nối Wi-Fi
●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●		●	●	●	●
●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●		●	●	●	●
●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●		●	●	●	●
●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●		●	●	●	●
●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●		●	●	●	●
●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●		●	●	●	●
●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●

Loại	m^3/h	150	200	250	350	500	800	1000
Thiết bị thông gió thu hồi nhiệt - ERV				●	●	●	●	●
ERV DX COIL						●	●	●
ERV dân dụng		●	●					

DÀN LẠNH

DÀN LẠNH TREO TƯỜNG

DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN

DÀN LẠNH CASSETTE TRÒN

DÀN LẠNH ÂM TRẦN NỐI ỐNG GIÓ

THIẾT BỊ CẤP KHÍ TƯƠI

DÀN LẠNH ÁP TRẦN

TỦ ĐỨNG ĐẶT SÀN (PAC)





Tính năng & lợi ích

- 6 góc thổi khác nhau có thể được thiết lập thông qua điều khiển từ xa.
- Toàn bộ vỏ ngoài có thể tháo rời dễ dàng, thuận tiện cho công tác vệ sinh dàn lạnh.
- Ống nước ngưng có thể được ẩn đi để tăng tính thẩm mỹ.

Mục đích sử dụng chính

- Cửa hàng bán lẻ
- Khách sạn
- Nhà hàng
- Khu nhà ở nhiều gia đình
- Văn phòng

DÀN LẠNH TREO TƯỜNG		TIÊU CHUẨN
Tính năng thông minh	Kết nối Wi-Fi	○
Hiệu suất điện năng	Giám sát điện năng tiêu thụ	○
Công nghệ làm lạnh & Sưởi ấm	Chế độ Jet Cool làm lạnh nhanh	○
	Tự động đảo gió (Lên & xuống)	○
Bảo vệ sức khỏe	Công nghệ ion hóa không khí	○ (lên tới 24.000 Btu/h)
	Bộ lọc sơ cấp	○
	Làm sạch tự động	○
Cảm giác dễ chịu	Chế độ ngủ	○
	Bộ hẹn giờ (Bật/tắt)	○
	Bộ hẹn giờ (hàng tuần)	○
	Điều khiển bằng hai cảm biến nhiệt độ	○
	Điều khiển theo nhóm	○

※ ○: Áp dụng, - : Không áp dụng

Điều khiển thông qua Wi-Fi

Truy cập vào thiết bị mọi lúc, mọi nơi bằng điện thoại thông minh sử dụng hệ điều hành Android và iOS.

ThinQ

Tìm kiếm "ThinQ" trên Google hoặc App Store để tải xuống ứng dụng.

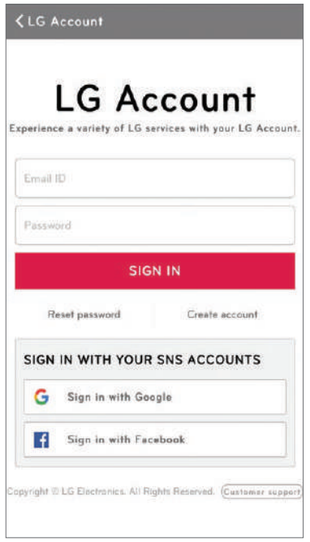
Kiểm soát thiết bị gia dụng được tích hợp

Điều khiển/giám sát tất cả các thiết bị LG chỉ từ một nơi.



Dễ dàng đăng ký và đăng nhập

Thực hiện các bước thiết lập để kích hoạt các tính năng thân thiện với người dùng của ThinQ.



Thực hiện nhiều chức năng chỉ với một thao tác



Bật/tắt, nhiệt độ hiện tại



Chế độ, đặt nhiệt độ



Điều khiển cánh

Quản lý đơn giản



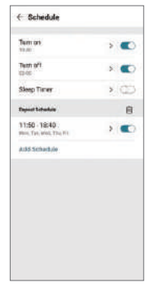
Giám sát điện năng



Chẩn đoán thông minh



Quản lý bộ lọc



Đặt lịch hẹn

※ Đối với chính sách của chúng tôi về việc liên tục cải tiến ứng dụng ThinQ, thông số kỹ thuật, thiết kế và tính năng có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Điều khiển thông qua Wi-Fi

Truy cập vào thiết bị mọi lúc, mọi nơi bằng điện thoại thông minh sử dụng hệ điều hành Android và iOS.

ThinQ

Tìm kiếm "ThinQ" trên Google hoặc App Store để tải xuống ứng dụng.

Truy cập vào máy điều hòa của bạn mọi lúc mọi nơi

Bằng thiết bị được kết nối Wi-Fi và ứng dụng điều khiển độc quyền của LG, ThinQ.



Kết nối Wi-Fi

Mỗi người dùng có thể đặt và lưu các tùy chọn về nhiệt độ và tốc độ quạt trong ứng dụng ThinQ. Nếu có nhiều hơn một dàn lạnh trong một hộ gia đình, có thể đặt nhiệt độ riêng cho từng dàn lạnh.

Nhiều thiết bị



※ Nhiều người dùng có thể điều khiển thiết bị nhưng không thực hiện được cùng một lúc.

Điều khiển nhiều thiết bị



※ Đối với chính sách của chúng tôi về việc liên tục cải tiến ứng dụng ThinQ, thông số kỹ thuật, thiết kế và tính năng có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

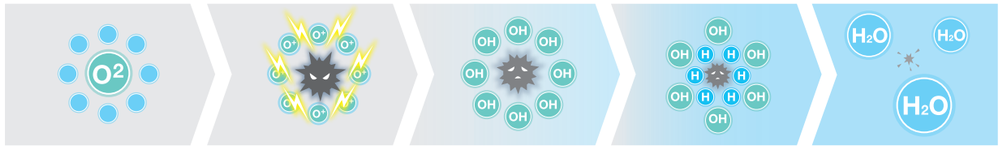
Công nghệ Ionizer^{PLUS}

Công nghệ ion hóa mạnh mẽ giúp bảo vệ bạn khỏi mùi hôi cũng như vi khuẩn Escherichia coli và Staphylococcus trên bề mặt với hơn 8 triệu ion để khử trùng nhằm tạo ra một môi trường an toàn hơn và sạch sẽ hơn.

※ Mỗi model có thể có thông số kỹ thuật khác nhau.
※ Tùy thuộc vào điều kiện thử nghiệm.

Giảm vi khuẩn và khử mùi (Sử dụng hơn 8 triệu ion)

Công nghệ Ionizer + giúp làm giảm vi khuẩn E.coli và Staphylococcus trên bề mặt với hơn 8 triệu ion.



Tạo cụm ion
Các ion được phát tán vào không khí

Các chất có hại xung quanh
Liên kết H- và O- với các hạt có hại

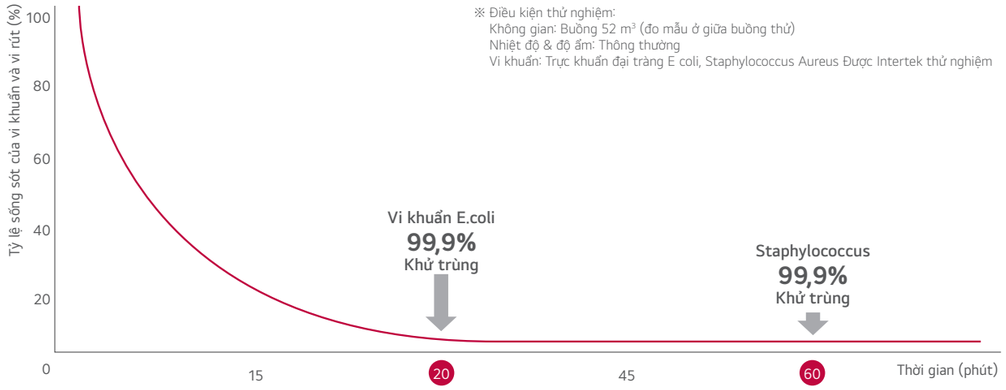
Tạo ra các phân tử ion gốc OH
Các hạt OH làm vô hiệu hóa các chất có hại

Phản ứng hóa học
Hạt OH liên kết với hạt H

Khử trùng
Phân tử H_2O được tạo ra

Đánh giá hiệu suất giảm vi khuẩn

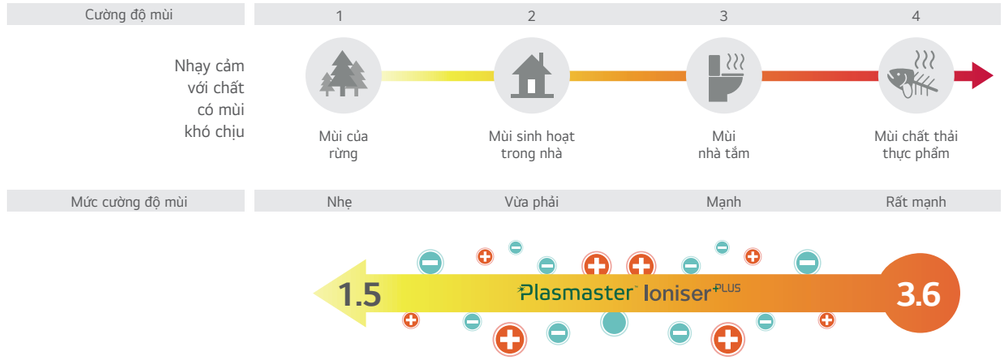
Giảm vi khuẩn E.coli trên 99,9% trong 20 phút và tụ cầu khuẩn trên 99,9% trong 60 phút.



※ Điều kiện thử nghiệm:
Không gian: Buồng 52 m^3 (đo mẫu ở giữa buồng thử)
Nhiệt độ & độ ẩm: Thông thường
Vi khuẩn: Trực khuẩn đại tràng E coli, Staphylococcus Aureus Được Intertek thử nghiệm

2.1 Cường độ mùi giảm trong 60 phút

Mùi được đo bằng 2 đơn vị mùi Châu Âu (ouE/m^3) trở xuống cho thấy mức độ mùi nằm trong giới hạn cho phép.



Cường độ mùi giảm 3,6 ➡ 1,5 / Mùi bay trong phòng cũng như rèm và vải.

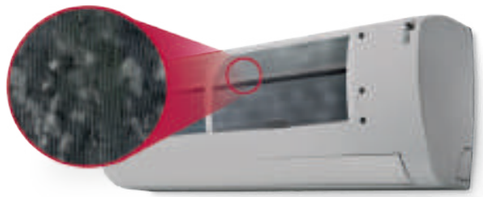
※ Điều kiện thử nghiệm Không gian: Buồng 8 m^3
Nhiệt độ & độ ẩm: Thông thường
Được Intertek thử nghiệm

Làm sạch tự động

Thiết bị có chức năng tự làm sạch giúp làm khô bộ trao đổi nhiệt trước khi vệ sinh bên trong.

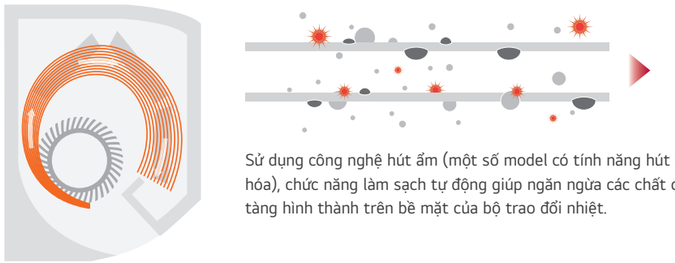
Nguyên nhân

Nguyên nhân chính gây ra mùi hôi trong điều hòa là nấm mốc và vi khuẩn được sinh ra trên bộ trao đổi nhiệt. Những vi khuẩn này có thể lây lan khi bộ trao đổi nhiệt bị ướt.

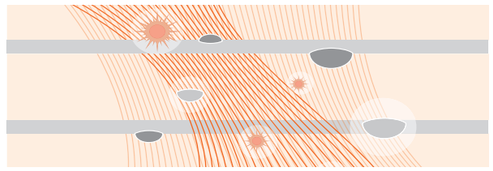


Làm sạch bộ lọc bằng luồng khí ổn định

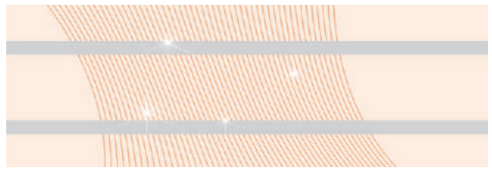
Chức năng tự động làm sạch toàn diện giúp ngăn ngừa hình thành vi khuẩn và nấm mốc trên bộ trao đổi nhiệt.



Sử dụng công nghệ hút ẩm (một số model có tính năng hút ẩm và ion hóa), chức năng làm sạch tự động giúp ngăn ngừa các chất có hại tiềm tàng hình thành trên bề mặt của bộ trao đổi nhiệt.



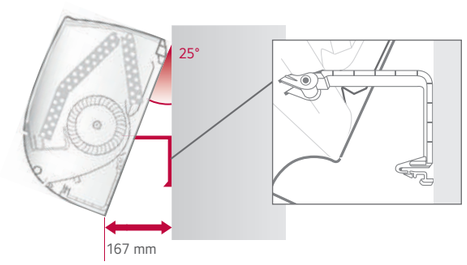
Môi trường trong nhà không có mùi với chức năng khử mùi tiên tiến.



Bằng cách ngăn ngừa ô nhiễm cho bộ trao đổi nhiệt do nhiều loại vi trùng và vi khuẩn gây ra, hiệu suất và tuổi thọ của điều hòa không khí có thể tăng lên trên 10 năm.

Giá đỡ hỗ trợ lắp đặt

Giá đỡ hỗ trợ tạo ra không gian vừa đủ giữa tường và thiết bị để lắp đặt dễ dàng hơn.



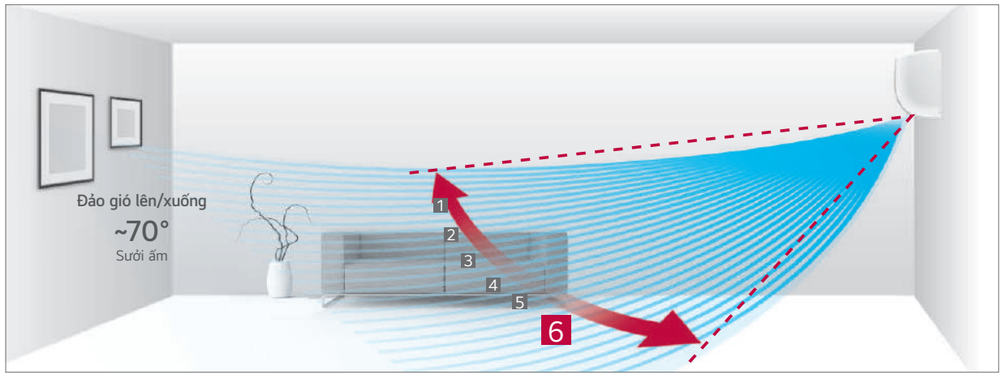
Tự động đảo gió

Luồng khí lạnh lan tỏa khắp phòng dù đặt thiết bị ở bất kỳ nơi đâu.

※ Mỗi model có thể có thông số kỹ thuật khác nhau.

Điều khiển cánh vẫy đảo gió lên/xuống 6 cấp hoạt động, có thể lên đến 70°

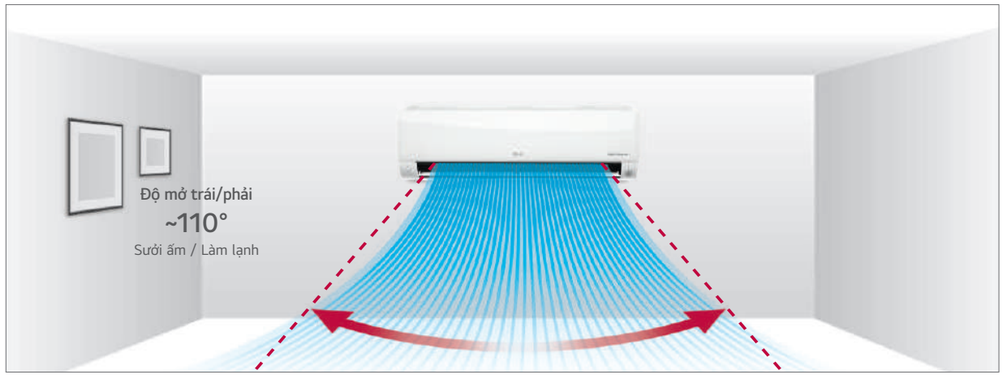
Cánh đảo gió dọc di chuyển lên xuống có 6 cài đặt khác nhau bao gồm cả chế độ đảo gió hoàn toàn tự động.



※ Góc thổi có thể khác nhau tùy thuộc vào từng model và chế độ làm việc.

Điều khiển độ mở trái/phải lên tới 110°

Miệng gió có thể được điều chỉnh bằng tay để mở rộng góc đảo gió trái và phải lên 110 độ.



※ Góc thổi có thể khác nhau tùy thuộc vào từng model và chế độ làm việc.

Điều khiển đơn giản và dễ dàng

Hướng luồng gió có thể được thay đổi qua ứng dụng ThinQ trên thiết bị có kết nối Wi-Fi.

※ Đối với chính sách của chúng tôi về việc liên tục cải tiến ứng dụng ThinQ, thông số kỹ thuật, thiết kế và tính năng có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.



Đảo gió lên/xuống

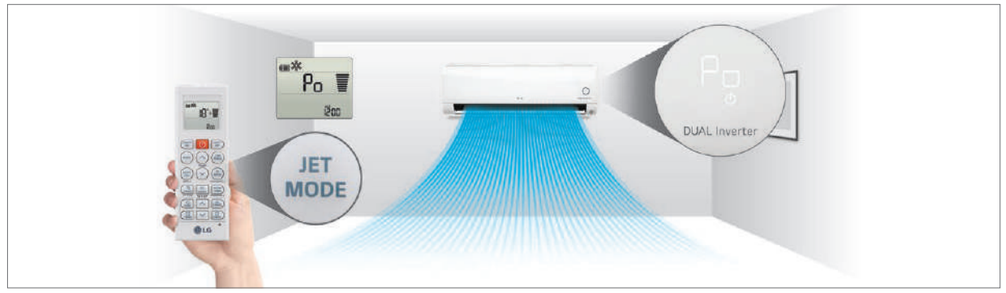
Chế độ Jet Cool làm lạnh nhanh

Điều hòa LG cung cấp luồng gió tốc độ cao được tối ưu hóa, có thể làm lạnh phòng nhanh hơn đồng thời mang lại luồng khí lạnh trải đều theo mọi hướng.

※ Mỗi model có thể có thông số kỹ thuật khác nhau.
※ Tùy thuộc vào điều kiện thử nghiệm.

"Chế độ làm lạnh nhanh" chỉ với một lần bấm

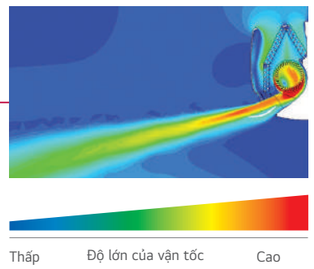
Giảm nhiệt độ luồng khí thoát ra xuống 18°C trong 30 phút chỉ với một lần bấm.



Hiệu suất mạnh mẽ hơn

Bằng cách giảm lưu lượng gió xoáy thứ hai, lưu lượng gió này làm giảm lưu lượng trong cửa thoát khí và tăng kích cỡ quạt, lưu lượng gió được tăng lên 13 CMM.

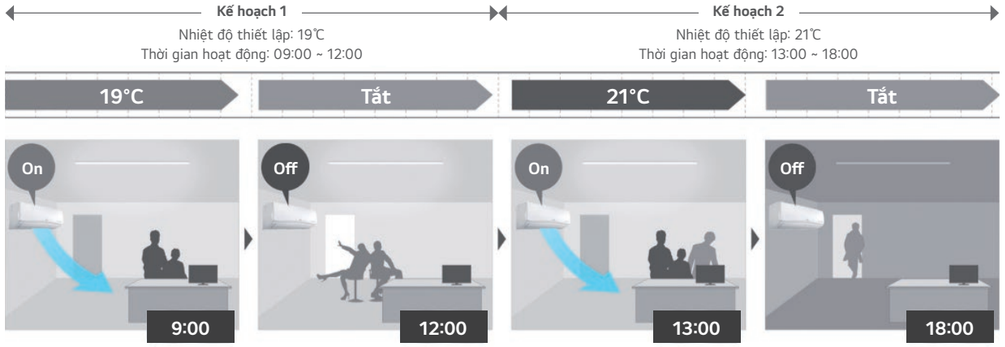




Hoạt động theo kế hoạch

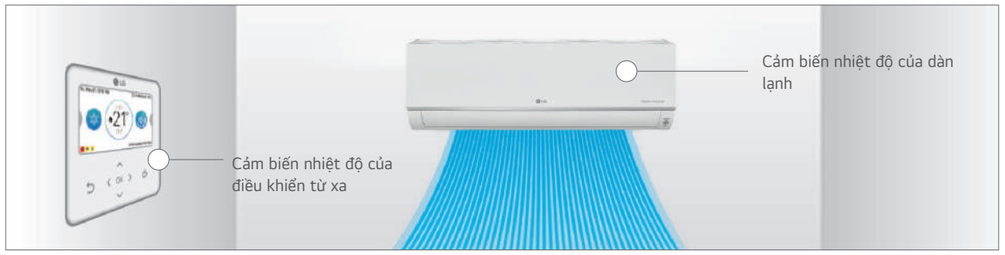
Bạn có thể đặt nhiệt độ hàng ngày, tốc độ quạt, chế độ hoạt động và thời gian bật/tắt tự động trong hai tuần. Thiết bị sẽ tiếp tục chạy trong khoảng thời gian đó cho đến khi được người dùng hủy.

※ Chức năng này chỉ dành cho điều khiển từ xa có dây.
※ Cần mua riêng điều khiển từ xa có dây.



Điều khiển bằng hai cảm biến nhiệt độ

Có thể kiểm tra nhiệt độ trong nhà bằng cách sử dụng cảm biến nhiệt độ trong điều khiển từ xa cũng như trong dàn lạnh. Có thể có sự khác biệt đáng kể giữa nhiệt độ không khí trên trần và dưới sàn. Hai cảm biến nhiệt độ có thể tối ưu hóa nhiệt độ không khí trong nhà để tạo ra một môi trường dễ chịu hơn.



Điều khiển theo nhóm

Điều khiển theo nhóm bằng điều khiển từ xa (PREMTB101/ PREMTBB11) có nhiều chức năng hơn model trước đó.



ARNU05GSJN4 / ARNU07GSJN4 / ARNU09GSJN4
ARNU12GSJN4 / ARNU15GSJN4



MODEL		ĐƠN VỊ	ARNU05GSJN4	ARNU07GSJN4	ARNU09GSJN4	ARNU12GSJN4	ARNU15GSJN4
Công suất làm lạnh		kW	1,6	2,2	2,8	3,6	4,5
		Btu/h	5.500	7.500	9.600	12.300	15.400
Công suất sưởi ấm		kW	1,8	2,5	3,2	4,0	5,0
		Btu/h	6.100	8.500	10.900	13.600	17.100
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)		W	11 / 10 / 9	12 / 11 / 9	13 / 12 / 9	15 / 13 / 11	23 / 18 / 11
Kích thước (Rộng × Cao × Sâu)		mm	818 × 316 × 189	818 × 316 × 189	818 × 316 × 189	818 × 316 × 189	818 × 316 × 189
Quạt	Loại		Quạt Cross Flow	Quạt Cross Flow	Quạt Cross Flow	Quạt Cross Flow	Quạt Cross Flow
	Công suất động cơ × Số lượng	W × Số lượng	30 × 1	30 × 1	30 × 1	30 × 1	30 × 1
	Lưu lượng gió (H / M / L)	m^3/phút	6,8 / 6,5 / 5,9	7,2 / 6,8 / 5,9	7,8 / 7,2 / 5,9	8,5 / 7,8 / 6,8	10,5 / 9,5 / 6,8
	Loại động cơ		BLDC	BLDC	BLDC	BLDC	BLDC
Bộ lọc không khí			Bộ lọc sơ cấp	Bộ lọc sơ cấp	Bộ lọc sơ cấp	Bộ lọc sơ cấp	Bộ lọc sơ cấp
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng	mm (inch)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 6,35 (1/4)
	Đường kính ống hơi	mm (inch)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 12,7 (1/2)
	Ống nước ngưng (Đường kính trong)	mm (inch)	Ø 16 (5/8)	Ø 16 (5/8)	Ø 16 (5/8)	Ø 16 (5/8)	Ø 16 (5/8)
Trọng lượng thực tế		kg	8,4	8,4	8,4	8,4	8,4
Độ ồn (H / M / L)		dB (A)	30 / 29 / 28	32 / 30 / 28	34 / 32 / 28	37 / 34 / 30	42 / 39 / 32
Nguồn điện		Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Cáp kết nối	Dây tín hiệu (VCTF-SB)	mm^2 × lõi cáp	1,0 ~ 1,5 × 2 C	1,0 ~ 1,5 × 2 C	1,0 ~ 1,5 × 2 C	1,0 ~ 1,5 × 2 C	1,0 ~ 1,5 × 2 C
Màu sắc			Trắng	Trắng	Trắng	Trắng	Trắng

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng - dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, v.v.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

Phụ kiện

MODEL MÁY	ARNU05GSJN4	ARNU07GSJN4	ARNU09GSJN4	ARNU12GSJN4	ARNU15GSJN4
Bơm nước ngưng	-				
Vỏ dàn lạnh cassette	-				
Bộ phát hiện rò rỉ môi chất lạnh	PRLDNVS0 (R410a)				
Bộ EEV	PRGK024A0				
Mô-đun nguồn đa nhiệm	PINPMB001				
Robot làm sạch	-				
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)	○				
Bộ tạo ion	○				
Cảm biến CO_2	-				
Bộ thông gió	-				
Bộ thu sóng hồng ngoại	-				
Điều khiển vùng	-				
Bộ tiếp điểm khô (có phụ kiện bổ sung)	PDRYCB000 (1 tiếp điểm khô), PDRYCB320, PDRYCB400 (2 tiếp điểm), PDRYCB500 (Modbus)				
Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)	○				
Hỗ trợ kết nối Wi-Fi	○				

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng

ARNU18GSKN4 / ARNU24GSKN4



MODEL		ĐƠN VỊ	ARNU18GSKN4	ARNU24GSKN4
Công suất làm lạnh		kW	5,6	7,1
		Btu/h	19.100	24.200
Công suất sưởi ấm		kW	6,3	7,5
		Btu/h	21.500	25.600
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)		W	32 / 26 / 16	39 / 26 / 16
Kích thước (Rộng × Cao × Sâu)		mm	975 × 354 × 209	975 × 354 × 209
Quạt	Loại		Quạt Cross Flow	Quạt Cross Flow
	Công suất động cơ × Số lượng	W × Số lượng	58 × 1	58 × 1
	Lưu lượng gió (H / M / L)	m^3/phút	14,0 / 12,0 / 10,5	15,2 / 12,7 / 10,5
	Loại động cơ		BLDC	BLDC
Bộ lọc không khí			Bộ lọc sơ cấp	Bộ lọc sơ cấp
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng	mm (inch)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 9,52 (3/8)
	Đường kính ống hơi	mm (inch)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 15,88 (5/8)
	Ống nước ngưng (Đường kính trong)	mm (inch)	Ø 16 (5/8)	Ø 16 (5/8)
Trọng lượng thực tế		kg	12,2	12,2
Độ ồn (H / M / L)		dB (A)	43 / 39 / 34	46 / 41 / 34
Nguồn điện		Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Cáp kết nối	Dây tín hiệu (VCTF-SB)	mm^2 × lõi cáp	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C
Màu sắc			Trắng	Trắng

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng - dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, v.v.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

Phụ kiện

MODEL MÁY	ARNU18GSKN4	ARNU24GSKN4
Bơm nước ngưng	-	
Vỏ dàn lạnh cassette	-	
Bộ phát hiện rò rỉ môi chất lạnh	PRLDNVS0 (R410a)	
Bộ EEV	PRGK024A0	
Mô-đun nguồn đa nhiệm	PINPMB001	
Robot làm sạch	-	
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)	○	
Bộ tạo ion	○	
Cảm biến CO_2	-	
Bộ thông gió	-	
Bộ thu sóng hồng ngoại	-	
Điều khiển vùng	-	
Bộ tiếp điểm khô (có phụ kiện bổ sung)	PDRYCB000 (1 tiếp điểm khô), PDRYCB320, PDRYCB400 (2 tiếp điểm), PDRYCB500 (Modbus)	
Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)	○	
Hỗ trợ kết nối Wi-Fi	○	

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng



Tính năng & lợi ích

• Dàn lạnh cassette Dual Vane 4 hướng thổi tạo ra lưu lượng gió mang đến cảm giác dễ chịu.
• Quạt Turbo 3D mạnh mẽ giúp giảm sức cản không khí, mang đến luồng gió mạnh và độ ồn thấp.

Mục đích sử dụng chính

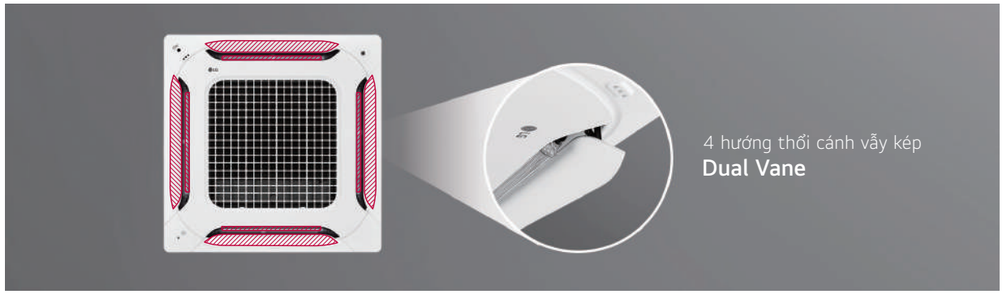
• Cửa hàng bán lẻ
• Trường học
• Văn phòng
• Khách sạn
• Ký túc xá
• Nhà hàng

Dàn lạnh cassette		4 hướng thổi	2 hướng thổi	1 hướng thổi
Tính năng thông minh	Kết nối Wi-Fi	○	○	○
Hiệu suất điện năng	Cảm biến phát hiện con người	○	-	-
Sự tiện lợi	Bơm nước ngưng	○	○	○
	Chế độ ngủ	○	○	○
	Bộ hẹn giờ (Bật/tắt)	○	○	○
	Bộ hẹn giờ (hàng tuần)	○	○	○
	Điều khiển bằng hai cảm biến nhiệt độ	○	○	○
	Điều khiển theo nhóm	○	○	○

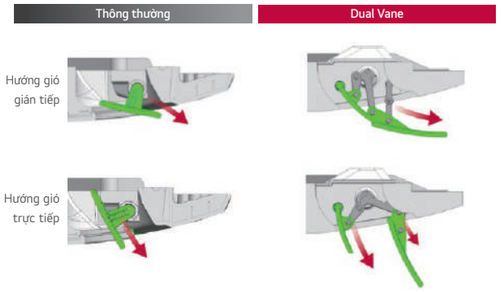
※ ○: Áp dụng, - : Không áp dụng

LUỒNG GIÓ 4 HƯỚNG THỔI VỚI THIẾT KẾ MỚI

Công nghệ xuất sắc mới (NET) chứng nhận thiết kế cánh quạt kép 4 hướng thổi mới giúp thúc đẩy luồng khí tạo cảm giác dễ chịu và tiện nghi.



***Các hướng gió mới**



***Chế độ 6 luồng gió**



Màu sắc tươi sáng hơn

Cải thiện màu sắc để dàn lạnh cassette phù hợp với hầu hết các không gian trần bên trong.

Màu trắng ngà thông thường



Màu trắng với Dual Vane



Thiết kế rộng

Cửa gió cấp và cửa gió hồi rộng hơn giúp luồng khí làm lạnh/sưởi ấm nhanh hơn.



Quạt Turbo 3D mạnh mẽ

Quạt Turbo 3D mạnh mẽ giúp giảm sức cản không khí, mang lại hiệu suất cao và giúp giảm độ ồn.

Màu trắng ngà thông thường	Màu trắng với Dual Vane

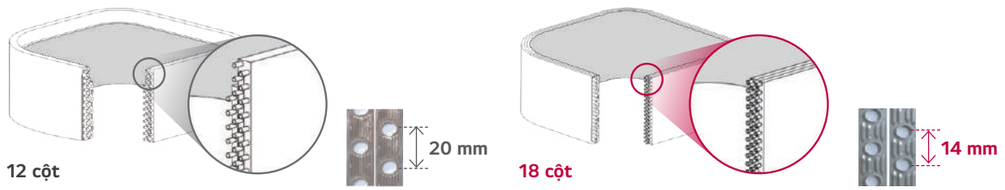


Tốc độ luồng khí ở cửa cấp gió được cải thiện

Bộ trao đổi nhiệt hiệu suất cao (HEX)

Bộ trao đổi nhiệt mật độ cao Ø 5 làm tăng 10% hiệu suất làm lạnh/sưởi ấm.

HEX Ø7 thông thường	HEX Ø5 hiệu suất cao



Cột ống	12 cột
Số lượng vây mỗi inch	21

Cột ống	18 cột
Số lượng vây mỗi inch	22

Cảm biến nhiệt độ từ trần đến sàn

Với cảm biến đặc biệt cảm nhận nhiệt độ từ trần đến sàn, dàn lạnh cassette Dual Vane 4 hướng thổi mang đến luồng không khí dễ chịu.



Kiểm soát lưu lượng gió

Tính năng phát hiện con người cung cấp cho người dùng các tùy chọn lưu lượng gió trực tiếp hoặc gián tiếp.

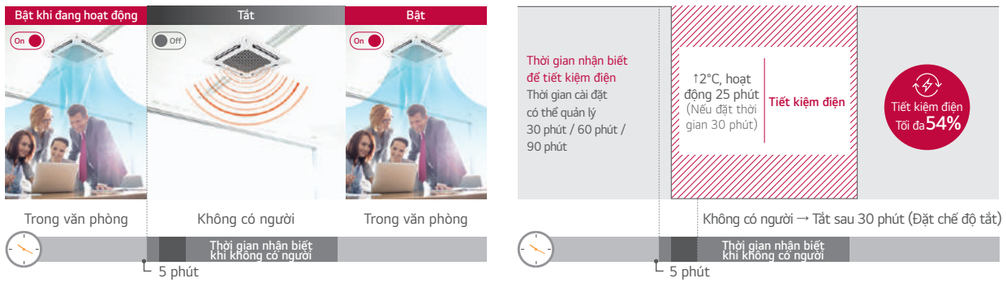
Luồng gió thổi gián tiếp
Cung cấp lưu lượng gió thổi ra xung quanh người dùng tạo cảm giác dễ chịu.

Luồng gió thổi trực tiếp
Cung cấp lưu lượng gió thổi thẳng vào người dùng để làm lạnh.



Tính năng phát hiện con người cho hiệu suất tối ưu

Dàn lạnh cảm nhận được sự hiện diện của con người để bật hoặc tắt nhằm tiết kiệm điện tối đa 54%.



※ Dòng dàn lạnh hai cánh thông minh '19.
※ Dữ liệu dựa trên thử nghiệm thực tế của LG, kết quả đo trong 2 giờ của một sản phẩm. (Làm lạnh ở26℃, luồng gió mạnh)

Làm sạch không khí hiệu suất cao

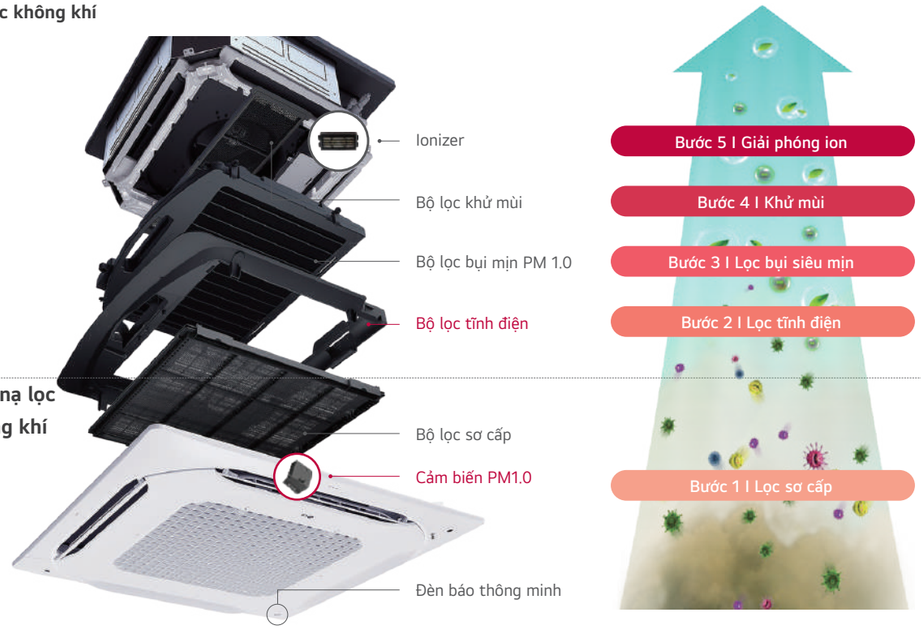
Chức năng làm sạch không khí mang đến luồng không khí tươi mát, trong lành



Lọc không khí 5 bước hoạt động mạnh mẽ & thuận tiện

Dễ dàng quản lý hệ thống lọc không khí với bộ lọc dễ dàng tháo rời để bảo trì.

Bộ lọc không khí



Mặt nạ lọc không khí

Quản lý chu trình

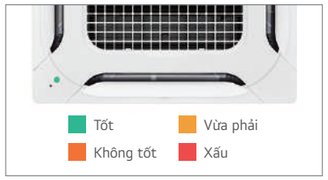
Bộ lọc sơ cấp	Bộ lọc bụi mịn PM 1.0	Bộ lọc khử mùi
Có thể tháo rời dễ dàng	6 tháng/Có thể giặt được	6 tháng/Phơi khô dưới ánh nắng mặt trời

Hiển thị mức độ chất lượng không khí

Chức năng kết nối Wi-Fi để điều khiển dàn lạnh và kiểm tra chất lượng không khí mọi lúc, mọi nơi.

① Đèn LED IDU

Mức chất lượng không khí trong nhà theo thời gian thực hiển thị trên dàn lạnh



② Điều khiển từ xa

Mức chất lượng không khí hiển thị trên điều khiển từ xa



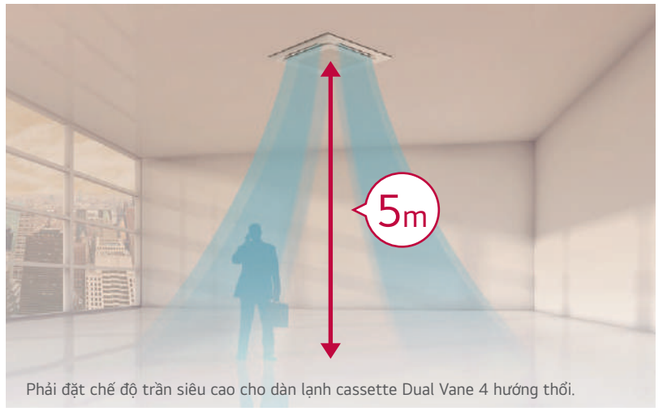
③ Thiết bị di động

Truy cập để kiểm tra & kiểm soát trạng thái không khí qua thiết bị di động mọi lúc mọi nơi



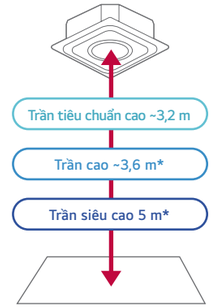
Luồng gió trực tiếp

Gió có thể đạt tới 5 m với lượng không khí dồi dào. (@ 0,5 ms)



Phải đặt chế độ trần siêu cao cho dàn lạnh cassette Dual Vane 4 hướng thổi.

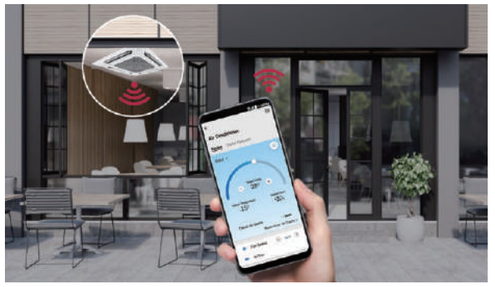
Phạm vi gió trực tiếp được đề xuất



* Cần phải cài đặt trong chế độ của trình lắp đặt.

Kết nối qua ứng dụng ThinQ

Lưới tự động tháo ra và gắn lại với 4 điểm tiếp xúc để tăng cường độ ổn định và quản lý bộ lọc một cách thuận tiện.



※ Đối với chính sách của chúng tôi về việc liên tục cải tiến ứng dụng ThinQ, thông số kỹ thuật, thiết kế và tính năng có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

① Giám sát trạng thái không khí: Dễ dàng kiểm tra trạng thái không khí trong nhà
• Bụi siêu mịn/rất mịn/mịn
• Hàng ngày/hàng tuần/hàng tháng/hàng năm

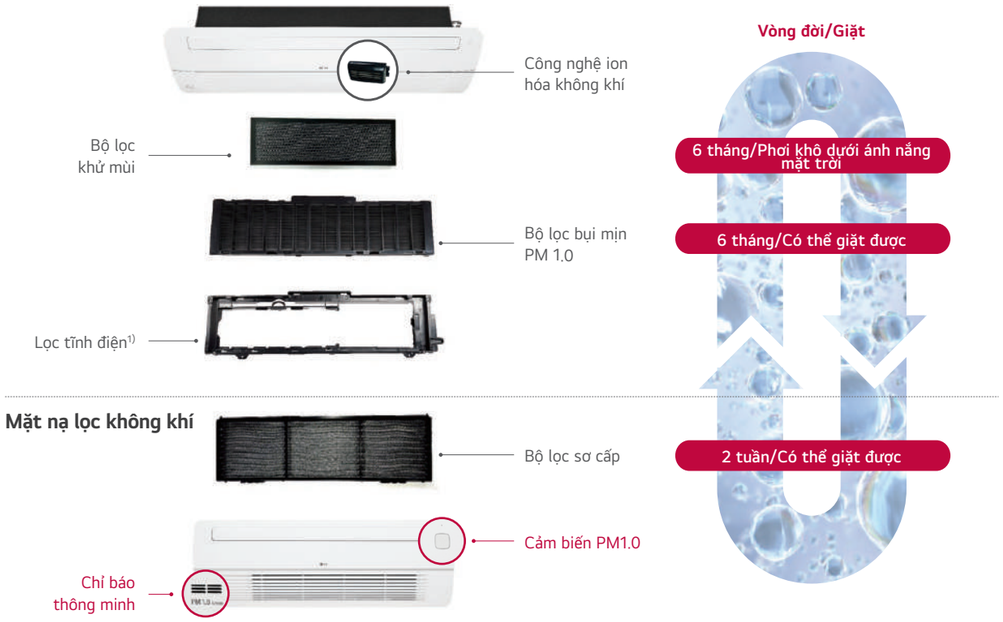
② Điều khiển từ xa qua thiết bị di động: Điều khiển từ xa sử dụng điện thoại di động
• Chế độ điều khiển / Nhiệt độ / Lưu lượng gió, vv.

③ Hiển thị mức tiêu thụ điện: Kiểm tra mức tiêu thụ điện của điều hòa
• Kiểm tra màn hình hiển thị điện năng
• Đặt mức tiêu thụ điện năng

Dễ dàng làm sạch bộ lọc để lọc không khí

Không cần thay bộ kit lọc không khí và có thể sử dụng bán vĩnh viễn.
Ngoài ra, nhờ dễ dàng bảo trì, người dùng có thể sử dụng tính năng lọc không khí một cách thuận tiện mà không cần lo lắng về độ sạch của bộ lọc.

Bộ lọc không khí



Mặt nạ lọc không khí

1) Làm tăng lực tĩnh điện để nâng cao hiệu quả thu gom
※ Thông thường, loại bộ lọc HEPA phải được thay thế thường xuyên, tức là chi phí bảo trì tốn kém.

Luồng gió trực tiếp/gián tiếp

Cung cấp cho người dùng các tùy chọn lưu lượng gió trực tiếp hoặc gián tiếp.

Luồng gió gián tiếp dễ chịu

Không cần chạm trực tiếp vào da, không gian rộng rãi thật thoải mái!

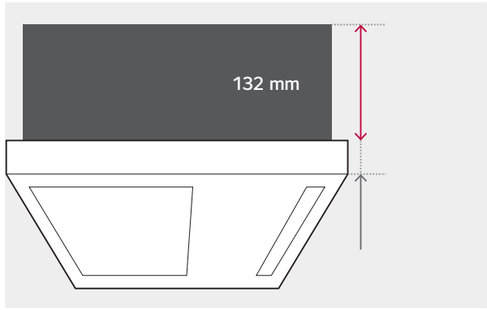


Lạnh hơn vào những ngày nóng nực.



Chiều cao tối thiểu (Cassette 1 hướng thổi)

Với chiều cao thân máy 132 mm, dàn lạnh cassette 1 hướng thổi của LG là giải pháp lý tưởng để lắp đặt trong không gian hạn chế.



So sánh kích cỡ

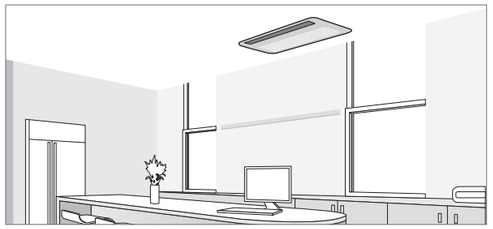
(Đơn vị : mm)

	Công ty A	Công ty B	LG
Dàn lạnh Cassette 1 hướng thổi	215	230	132

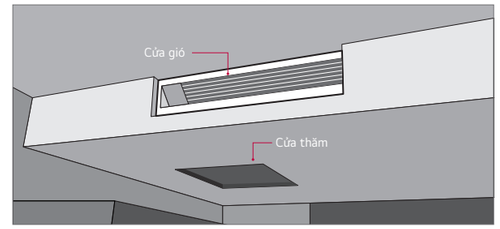
Lắp đặt linh hoạt (Cassette 1 hướng thổi)

Dàn lạnh cassette 1 hướng thổi không yêu cầu các cửa thăm nên có thể lắp đặt dễ dàng.

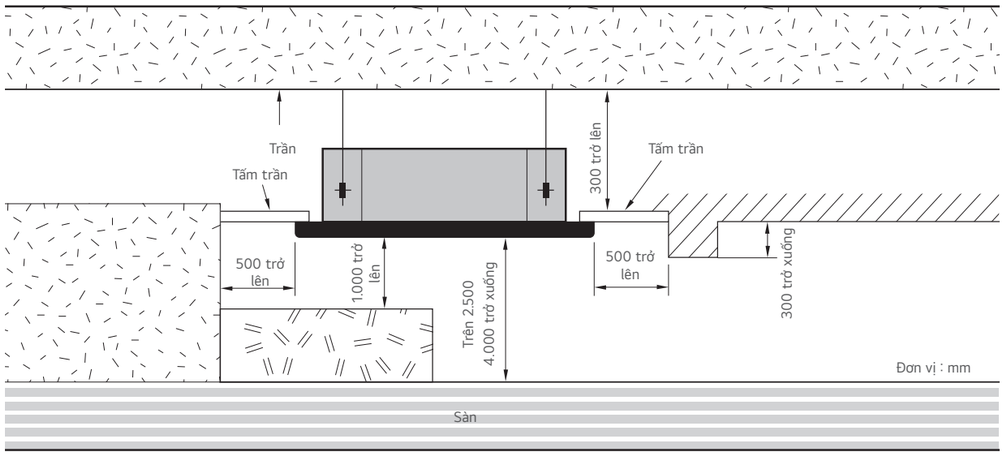
Dàn lạnh cassette 1 hướng thổi



Dàn lạnh âm trần nối ống gió



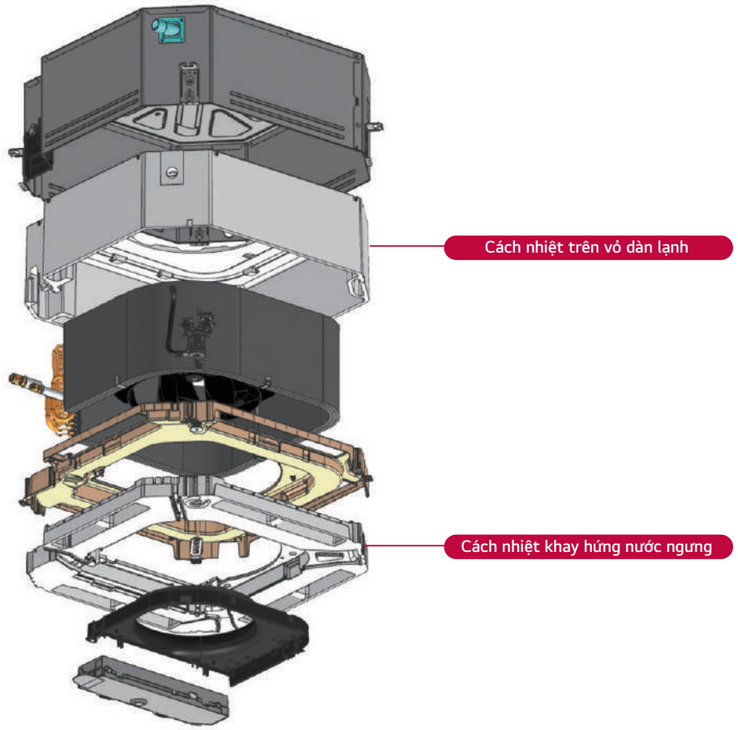
Tiêu chuẩn lắp đặt (Cassette 1 hướng thổi)

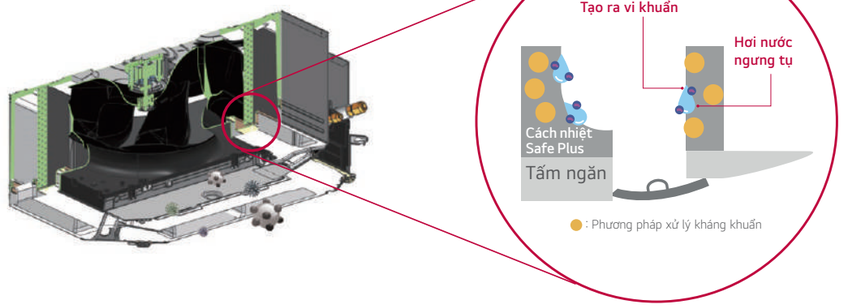


Cách nhiệt Safe Plus

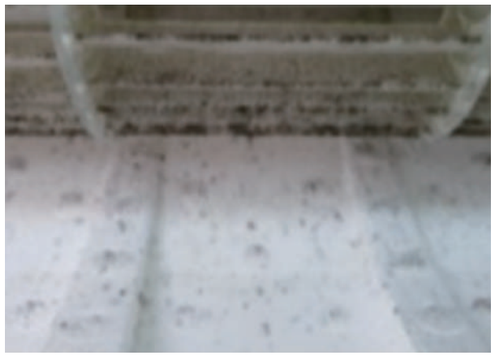
Tại sao lại sử dụng tính năng cách nhiệt Safe Plus?

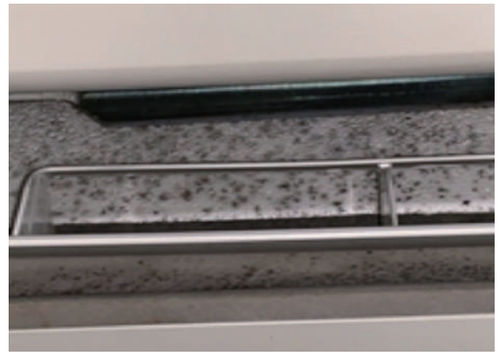
Cách nhiệt Safe Plus là một phương pháp xử lý kháng khuẩn được áp dụng cho các bộ phận cách nhiệt bên trong dàn lạnh LG MULTI V để ngăn chặn sự phát triển của nấm mốc và cung cấp luồng không khí trong lành, sạch sẽ hơn.





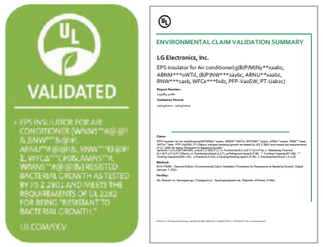
Vệ sinh bên trong máy điều hòa không khí của bạn như thế nào?



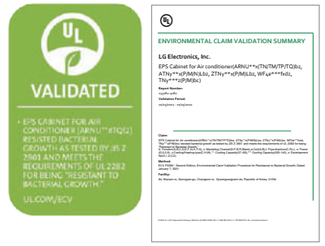


Ví dụ về trường hợp ô nhiễm EPS.

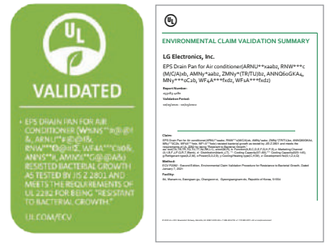
Các loại máy điều hòa không khí ngày nay cũng như khả năng làm lạnh nhanh & tiết kiệm điện giờ đây đã trở nên phổ biến, tất cả các thương hiệu đều truyền thông về từng lợi ích của việc lọc vi khuẩn, bụi, nấm mốc và lọc sạch không khí bị ô nhiễm. Tuy nhiên, làm cách nào để vệ sinh bên trong máy điều hòa không khí? Nếu bên trong máy điều hòa bị nhiễm bẩn, bạn có thể làm gì?
Phương pháp xử lý kháng khuẩn trên ***EPS (Vỏ máy, khay hứng nước ngưng, bộ hướng gió, vật liệu cách nhiệt, giá đỡ)** cho máy điều hòa không khí là công nghệ được ứng dụng lần đầu tiên trên thế giới, chỉ có tại LG.



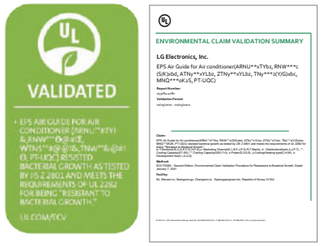
EPS vật liệu cách nhiệt



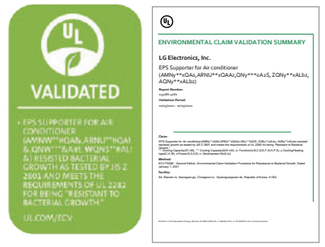
EPS vỏ máy



EPS khay hứng nước ngưng



EPS bộ hướng gió



EPS giá đỡ

EPS cho sản phẩm ứng dụng ngăn vi khuẩn phát triển



ARNU24GTBB4 / ARNU28GTBB4
ARNU30GTBB4



MODEL		ĐƠN VỊ	ARNU24GTBB4	ARNU28GTBB4	ARNU30GTBB4
Công suất làm lạnh		kW	7,1	8,2	9,0
		Btu/h	24.200	28.000	30.700
Công suất sưởi ấm		kW	8,0	9,2	10,0
		Btu/h	27.300	31.500	34.100
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)		W	32 / 27 / 20	37 / 30 / 22	48 / 36 / 25
Kích thước thực tế (Rộng × Cao × Sâu)		mm	840 × 204 × 840	840 × 204 × 840	840 × 204 × 840
Quạt	Loại		Quạt Turbo 3D	Quạt Turbo 3D	Quạt Turbo 3D
	Lưu lượng gió (H / M / L)	m^3/phút	18 / 17 / 15	19 / 17 / 15	21 / 19 / 16
	Loại động cơ		BLDC	BLDC	BLDC
	Công suất động cơ × Số lượng	W × Số lượng	51 x1	51 x1	51 x1
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng	mm (inch)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)
	Đường kính ống hơi	mm (inch)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)
	Ống nước ngưng (Đường kính trong)	mm (inch)	25 (1)	25 (1)	25 (1)
Trọng lượng		kg	21.0	21.0	21.0
Độ ồn (H / M / L)		dB (A)	39,0 / 37,0 / 35,0	40,0 / 38,0 / 35,0	43,0 / 40,0 / 36,0
Nguồn điện		Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Cáp kết nối	Dây tín hiệu (VCTF-SB)	mm^2 × lõi cáp	1,0 ~ 1,5 × 2	1,0 ~ 1,5 × 2	1,0 ~ 1,5 × 2
Màu sắc			Trắng	Trắng	Trắng

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB,
     Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB,
     Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng ~ dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, vv.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

Phụ kiện

TÊN MODEL			PT-AAGW0
Mô tả		-	Mặt nạ tiêu chuẩn
Bơm nước ngưng			○
Màu sắc vỏ ngoài		-	Trắng
RAL		-	9003
Dual Vane		-	○
Kích thước (Rộng × Cao × Sâu)	Kích thước thực	mm	950 × 35 × 950
	Kích thước vận chuyển	mm	1.006 × 102 × 1.006
Trọng lượng	Trọng lượng thực	kg	7,1
	Trọng lượng vận chuyển	kg	9,3
Chức năng	Cảm biến PM1.0	-	-
Phụ kiện	Bộ lọc không khí	-	-
	Cảm biến phát hiện sàn*	-	PTFSMA0**
	Cảm biến hiện diện con người*	-	PTVSAA0

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng

ARNU36GTAB4 / ARNU42GTAB4
ARNU48GTAB4



MODEL		ĐƠN VỊ	ARNU36GTAB4	ARNU42GTAB4	ARNU48GTAB4
Công suất làm lạnh		kW	10,6	12,3	14,1
		Btu/h	36.200	42.000	48.100
Công suất sưởi ấm		kW	11,9	13,8	15,9
		Btu/h	40.600	47.000	54.200
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)		W	69 / 49 / 37	97 / 69 / 49	110 / 76 / 61
Kích thước thực tế (Rộng × Cao × Sâu)		mm	840 × 288 × 840	840 × 288 × 840	840 × 288 × 840
Quạt	Loại		Quạt Turbo 3D	Quạt Turbo 3D	Quạt Turbo 3D
	Lưu lượng gió (H / M / L)	m^3/phút	29 / 26 / 22	33 / 29 / 26	34 / 30 / 28
	Loại động cơ		BLDC	BLDC	BLDC
	Công suất động cơ × Số lượng	W × Số lượng	135 x1	135 x1	135 x1
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng	mm (inch)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)
	Đường kính ống hơi	mm (inch)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)
	Ống nước ngưng (Đường kính trong)	mm (inch)	25 (1)	25 (1)	25 (1)
Trọng lượng		kg	26,0	26,0	26,0
Độ ồn (H / M / L)		dB (A)	43,0 / 40,0 / 37,0	47,0 / 43,0 / 40,0	48,0 / 44,0 / 42,0
Nguồn điện		Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Cáp kết nối	Dây tín hiệu (VCTF-SB)	mm^2 × lõi cáp	1,0 ~ 1,5 × 2	1,0 ~ 1,5 × 2	1,0 ~ 1,5 × 2
Màu sắc			Trắng	Trắng	Trắng

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB,
     Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB,
     Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng ~ dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, vv.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

Phụ kiện

TÊN MODEL			PT-AFGW0
Mô tả		-	Mặt nạ cao cấp
Bơm nước ngưng			○
Màu sắc vỏ ngoài		-	Trắng
RAL		-	9003
Dual Vane		-	○
Kích thước (Rộng × Cao × Sâu)	Kích thước thực	mm	950 × 35 × 950
	Kích thước vận chuyển	mm	1.006 × 117 × 1.006
Trọng lượng	Trọng lượng thực	kg	7,5
	Trọng lượng vận chuyển	kg	9,4
Chức năng	Cảm biến PM1.0	-	○
Phụ kiện	Bộ lọc không khí	-	PTAHMP0
	Cảm biến phát hiện sàn*	-	PTFSMA0**
	Cảm biến hiện diện con người*	-	PTVSAA0

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng

ARNU24GTPA4 / ARNU28GTPA4
ARNU30GTPA4 / ARNU36GTNA4



MODEL		ĐƠN VỊ	ARNU24GTPA4	ARNU28GTPA4	ARNU30GTPA4	ARNU36GTNA4
Công suất làm lạnh		kW	7,1	8,2	9,0	10,6
		Btu/h	24.200	28.000	30.700	36.200
Công suất sưởi ấm		kW	8,0	9,2	10,0	11,9
		Btu/h	27.300	31.500	34.100	40.600
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)		W	31 / 26 / 23	40 / 31 / 25	40 / 34 / 27	70 53 / 43
Quạt	Loại		Quạt Turbo	Quạt Turbo	Quạt Turbo	Quạt Turbo
	Lưu lượng gió (H / M / L)	m^3/phút	17 /15 / 13	19 / 16 / 14	24.3 / 22.8 / 19.5	25 / 21 / 19
Động cơ quạt	Loại		BLDC	BLDC	BLDC	BLDC
	Công suất	W	30	30	30	135
		STT	1	1	1	1
Kích thước	Kích thước thực (Rộng × Cao × Sâu)	mm	840 × 204 × 840	840 × 204 × 840	840 × 204 × 840	840 × 246 × 840
Trọng lượng	Trọng lượng	kg	20,8	20,8	20,8	23,5
Vỏ ngoài	Màu sắc	-	Màu trắng ngà	Màu trắng ngà	Màu trắng ngà	Màu trắng ngà
Ống nước ngưng (Đường kính trong)		mm (inch)	25 (1)	25 (1)	25 (1)	25 (1)
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng	mm (inch)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)
	Đường kính ống hơi	mm (inch)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)
Độ ồn (H / M / L)		dB (A)	36 / 34 / 31	39 / 35 / 33	40 / 36 / 33	43 / 40 / 37
Nguồn điện		Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Cáp kết nối	Dây tín hiệu (VCTF-SB)	mm^2 × lõi cáp	1,0 ~ 1,5 × 2	1,0 ~ 1,5 × 2	1,0 ~ 1,5 × 2	1,0 ~ 1,5 × 2

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB,
     Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB,
     Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng ~ dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, vv.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

Phụ kiện

MODEL MÁY	ARNU24GTPA4	ARNU28GTPA4	ARNU30GTPA4	ARNU36GTNA4
Bơm nước ngưng	○			
Vỏ dàn lạnh cassette	PTDCM			
Bộ phát hiện rò rỉ môi chất lạnh	PRLDNVS0			
Bộ EEV	-			
Mô-đun cấp điện độc lập	PRIP0			
Robot làm sạch	-			
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)	○			
Bộ tạo ion	-			
Cảm biến CO_2	-			
Bộ thông gió	PTVK430			
Bộ thu sóng hồng ngoại	-			
Điều khiển vùng	-			
Bộ tiếp điểm khô (có phụ kiện bổ sung)	PDRYCB000 (1 tiếp điểm khô), PDRYCB300 (8 điểm tương thích với bộ điều nhiệt), PDRYCB320 (Đầu vào đa năng), PDRYCB400 (2 tiếp điểm), PDRYCB500 (Modbus)			
Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)	○			
Hỗ trợ kết nối Wi-Fi	PWFMDD200			
Mặt nạ dàn lạnh (tiêu chuẩn)	PT-MCGW0			
Kích thước mặt nạ (Rộng × Cao × Sâu) mm	950 × 35 × 950			
Bộ lọc không khí	PT-MPGW0 : PTAHMP0			
Cảm biến phát hiện con người	PTVSAA0			

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng

ARNU42GTMA4 / ARNU48GTMA4
ARNU54GTMA4



MODEL		ĐƠN VỊ	ARNU42GTMA4	ARNU48GTMA4	ARNU54GTMA4
Công suất làm lạnh		kW	12,3	14,1	15,8
		Btu/h	42.000	48.100	54.000
Công suất sưởi ấm		kW	13,8	15,9	18,0
		Btu/h	43.800	51.200	61.400
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)		W	104 / 75 / 53	120 / 80 / 62	135 / 93 / 70
Quạt	Loại		Quạt Turbo	Quạt Turbo	Quạt Turbo
	Lưu lượng gió (H / M / L)	m^3/phút	30 / 27 / 24	31 / 29 / 27	34 / 32 / 27
Động cơ quạt	Loại		BLDC	BLDC	BLDC
	Công suất	W	135	135	135
		STT	1	1	1
Kích thước	Kích thước thực (Rộng × Cao × Sâu)	mm	840 × 288 × 840	840 × 288 × 840	840 × 288 × 840
Trọng lượng	Trọng lượng	kg	25,6	25,6	26,5
Vỏ ngoài	Màu sắc	-	Màu trắng ngà	Màu trắng ngà	Màu trắng ngà
Ống nước ngưng (Đường kính trong)		mm (inch)	25 (1)	25 (1)	25 (1)
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng	mm (inch)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)
	Đường kính ống hơi	mm (inch)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)
Độ ồn (H / M / L)		dB (A)	44 / 41 / 38	46 / 43 / 41	50 / 48 / 44
Nguồn điện		Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Cáp kết nối	Dây tín hiệu (VCTF-SB)	mm^2 × lõi cáp	1,0 ~ 1,5 × 2	1,0 ~ 1,5 × 2	1,0 ~ 1,5 × 2

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB,
     Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB,
     Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng ~ dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, vv.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

Phụ kiện

MODEL MÁY	ARNU42GTMA4	ARNU48GTMA4	ARNU54GTMA4
Bơm nước ngưng	○		
Vỏ dàn lạnh cassette	PTDCM		
Bộ phát hiện rò rỉ môi chất lạnh	PRLDNVS0		
Bộ EEV	-		
Mô-đun cấp điện độc lập	PRIP0		
Robot làm sạch	-		
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)	○		
Bộ tạo ion	-		
Cảm biến CO_2	-		
Bộ thông gió	PTVK430		
Bộ thu sóng hồng ngoại	-		
Điều khiển vùng	-		
Bộ tiếp điểm khô (có phụ kiện bổ sung)	PDRYCB000 (1 tiếp điểm khô), PDRYCB300 (8 điểm tương thích với bộ điều nhiệt), PDRYCB320 (Đầu vào đa năng), PDRYCB400 (2 tiếp điểm), PDRYCB500 (Modbus)		
Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)	○		
Kết nối Wi-Fi	PWFMDD200		
Mặt nạ dàn lạnh (tiêu chuẩn)	PT-MCGW0		
Kích thước mặt nạ (Rộng × Cao × Sâu) mm	950 × 35 × 950		
Bộ lọc không khí	PT-MPGW0 : PTAHMP0		
Cảm biến phát hiện con người	PTVSAA0		

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng

ARNU05GTRB4 / ARNU07GTRB4
ARNU09GTRB4 / ARNU12GTRB4



MODEL		ĐƠN VỊ	ARNU05GTRB4	ARNU07GTRB4	ARNU09GTRB4	ARNU12GTRB4
Công suất làm lạnh		kW	1,6	2,2	2,8	3,6
		Btu/h	5.500	7.500	9.600	12.300
Công suất sưởi ấm		kW	1,8	2,5	3,2	4,0
		Btu/h	6.100	8.500	10.900	13.600
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)		W	13 / 12 / 11	13 / 12 / 11	14 / 13 / 12	17 / 15 / 13
Kích thước (Rộng × Cao × Sâu)	Kích thước thân máy	mm	570 × 214 × 570	570 × 214 × 570	570 × 214 × 570	570 × 214 × 570
	Mặt nạ dàn lạnh	-	PT-QAGW0	PT-QAGW0	PT-QAGW0	PT-QAGW0
		mm	620 × 35 × 620	620 × 35 × 620	620 × 35 × 620	620 × 35 × 620
Màu sắc mặt nạ		-	Màu trắng	Màu trắng	Màu trắng	Màu trắng
Quạt	Loại		Quạt Turbo	Quạt Turbo	Quạt Turbo	Quạt Turbo
	Công suất động cơ × Số lượng	W × Số lượng	43 × 1	43 × 1	43 × 1	43 × 1
	Lưu lượng gió (H / M / L)	m^3/phút	7,5 / 7,0 / 6,6	7,5 / 7,0 / 6,6	8,0 / 7,5 / 7,1	8,7 / 8,0 / 7,0
	Loại động cơ	W	BLDC	BLDC	BLDC	BLDC
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng	mm (inch)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 6,35 (1/4)
	Đường kính ống hơi	mm (inch)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 12,7 (1/2)
	Ống nước ngưng (Đường kính trong)	mm (inch)	25 (1)	25 (1)	25 (1)	25 (1)
Trọng lượng		kg	12,6	12,6	13,7	13,7
Độ ồn (H / M / L)		dB (A)	29 / 27 / 26	29 / 27 / 26	30 / 29 / 27	32 / 30 / 27
Nguồn điện		Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Cáp kết nối	Dây tín hiệu (VCTF-SB)	mm^2 × lõi cáp	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng ~ dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, v.v.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

Phụ kiện

MODEL MÁY	ARNU05GTRB4	ARNU07GTRB4	ARNU09GTRB4	ARNU12GTRB4
Bơm nước ngưng	○			
Vỏ dàn lạnh cassette	-			
Bộ phát hiện rò rỉ môi chất lạnh	PRLDNVS0 (R410a)			
Bộ EEV	PRGK024A0 (~4,5 kW)			
Mô-đun nguồn đa nhiệm	PINPMB001			
Robot làm sạch	-			
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)	○			
Bộ tạo ion	-			
Cảm biến CO_2	-			
Bộ thông gió	PTVK430			
Bộ thu sóng hồng ngoại	-			
Điều khiển vùng	-			
Bộ tiếp điểm khô (có phụ kiện bổ sung)	PDRYCB000 (1 tiếp điểm khô), PDRYCB320, PDRYCB400 (2 tiếp điểm), PDRYCB500 (Modbus)			
Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)	○			
Kết nối Wi-Fi	PWFMDD200			

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng

ARNU15GTQB4 / ARNU18GTQB4
ARNU21GTQB4



MODEL		ĐƠN VỊ	ARNU15GTQB4	ARNU18GTQB4	ARNU21GTQB4
Công suất làm lạnh		kW	4,5	5,6	6,0
		Btu/h	15.400	19.100	20.500
Công suất sưởi ấm		kW	5,0	6,3	6,8
		Btu/h	17.100	21.500	23.200
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)		W	24 / 21 / 18	25 / 22 / 19	28 / 23 / 20
Kích thước (Rộng × Cao × Sâu)	Kích thước thân máy	mm	570 × 256 × 570	570 × 256 × 570	570 × 256 × 570
	Mặt nạ dàn lạnh	-	PT-QAGW0	PT-QAGW0	PT-QAGW0
		mm	620 × 35 × 620	620 × 35 × 620	620 × 35 × 620
Màu sắc mặt nạ		-	Màu trắng	Màu trắng	Màu trắng
Quạt	Loại		Quạt Turbo	Quạt Turbo	Quạt Turbo
	Công suất động cơ × Số lượng	W × Số lượng	43 × 1	43 × 1	43 × 1
	Lưu lượng gió (H / M / L)	m^3/phút	11,0 / 10,0 / 9,3	11,2 / 11,0 / 10,0	12,0 / 11,1 / 9,4
	Loại động cơ	W	BLDC	BLDC	BLDC
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng	mm (inch)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 9,52 (3/8)
	Đường kính ống hơi	mm (inch)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 15,88 (5/8)
	Ống nước ngưng (Đường kính trong)	mm (inch)	25 (1)	25 (1)	25 (1)
Trọng lượng		kg	15,0	15,0	15,0
Độ ồn (H / M / L)		dB (A)	36 / 34 / 32	37 / 35 / 34	40 / 38 / 34
Nguồn điện		Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Cáp kết nối	Dây tín hiệu (VCTF-SB)	mm^2 × lõi cáp	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng ~ dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, v.v.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

Phụ kiện

MODEL MÁY	ARNU15GTQB4	ARNU18GTQB4	ARNU21GTQB4
Bơm nước ngưng	○		
Vỏ dàn lạnh cassette	-		
Bộ phát hiện rò rỉ môi chất lạnh	PRLDNVS0 (R410a)		
Bộ EEV	PRGK024A0 (~4,5 kW)		
Mô-đun nguồn đa nhiệm	PINPMB001		
Robot làm sạch	-		
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)	○		
Bộ tạo ion	-		
Cảm biến CO_2	-		
Bộ thông gió	PTVK430		
Bộ thu sóng hồng ngoại	-		
Điều khiển vùng	-		
Bộ tiếp điểm khô (có phụ kiện bổ sung)	PDRYCB000 (1 tiếp điểm khô), PDRYCB320, PDRYCB400 (2 tiếp điểm), PDRYCB500 (Modbus)		
Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)	○		
Kết nối Wi-Fi	PWFMDD200		

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng

ARNU09GTSA4 / ARNU12GTSA4



MODEL			ĐƠN VỊ	ARNU09GTSA4	ARNU12GTSA4
Công suất làm lạnh			kW	2,8	3,6
			Btu/h	9.600	12.300
Công suất sưởi ấm			kW	3,2	4,0
			Btu/h	10.900	13.600
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)			W	16 / 14 / 11	18 / 14 / 11
Kích thước thực (Rộng × Cao × Sâu)			mm	830 × 225 × 600	830 × 225 × 600
Trọng lượng			kg	18,1	18,1
Loại quạt				Quạt Turbo	Quạt Turbo
Lưu lượng gió (H / M / L)			m^3/phút	10,8 / 9,8 / 9,1	11,1 / 10,3 / 9,1
Động cơ quạt	Loại			BLDC	BLDC
	Công suất		W × No.	37 × 1	37 × 1
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng		mm (inch)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 6,35 (1/4)
	Đường kính ống hơi		mm (inch)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 12,7 (1/2)
	Ống nước ngưng (Đường kính trong)		mm (inch)	25 (1)	25 (1)
Độ ồn (H / M / L)			dB (A)	33 / 31 / 29	34 / 32 / 29
Nguồn điện			Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Dây tín hiệu			mm^2 × lõi cáp	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C
Mặt nạ dàn lạnh (Phụ kiện)	Tên model			PT-USC	PT-USC
	Màu sắc vỏ ngoài			Màu trắng ngà	Màu trắng ngà
	Kích thước thực (Rộng × Cao × Sâu)		mm	1.100 × 28 × 690	1.100 × 28 × 690
	Kích thước vận chuyển (Rộng × Cao × Sâu)		mm	1.140 × 100 × 754	1.140 × 100 × 754
	Trọng lượng thực		kg	4,65	4,65

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng ~ dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, v.v.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

Phụ kiện

MODEL MÁY	ARNU09GTSA4	ARNU12GTSA4
Bơm nước ngưng	○	
Vỏ dàn lạnh cassette	-	
Bộ phát hiện rò rỉ môi chất lạnh	PRLDNVS0 (R410a)	
Bộ EEV	PRGK024A0 (~5,6 kW)	
Mô-đun nguồn đa nhiệm	PINPMB001	
Robot làm sạch	-	
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)	○	
Bộ tạo ion	-	
Cảm biến CO_2	-	
Bộ thông gió	-	
Bộ thu sóng hồng ngoại	-	
Điều khiển vùng	-	
Bộ tiếp điểm khô (có phụ kiện bổ sung)	PDRYCB000 (1 tiếp điểm khô), PDRYCB320, PDRYCB400 (2 tiếp điểm), PDRYCB500 (Modbus)	
Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)	○	
Kết nối Wi-Fi	PWFMDD200	

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng

ARNU18GTSA4 / ARNU24GTSA4



MODEL			ĐƠN VỊ	ARNU18GTSA4	ARNU24GTSA4
Công suất làm lạnh			kW	5,6	7,1
			Btu/h	19.100	24.200
Công suất sưởi ấm			kW	6,3	8,0
			Btu/h	21.500	27.300
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)			W	19 / 16 / 14	31 / 22 / 14
Kích thước thực (Rộng × Cao × Sâu)			mm	830 × 225 × 600	830 × 225 × 600
Trọng lượng			kg	18,1	18,1
Loại quạt				Quạt Turbo	Quạt Turbo
Lưu lượng gió (H / M / L)			m^3/phút	11,8 / 10,8 / 9,8	14,5 / 12,4 / 10,3
Động cơ quạt	Loại			BLDC	BLDC
	Công suất		W × No.	37 × 1	37 × 1
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng		mm (inch)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 9,52 (3/8)
	Đường kính ống hơi		mm (inch)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 15,88 (5/8)
	Ống nước ngưng (Đường kính trong)		mm (inch)	25 (1)	25 (1)
Độ ồn (H / M / L)			dB (A)	35 / 33 / 31	40 / 37 / 33
Nguồn điện			Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Dây tín hiệu			mm^2 × lõi cáp	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C
Mặt nạ dàn lạnh (Phụ kiện)	Tên model			PT-USC	PT-USC
	Màu sắc vỏ ngoài			Màu trắng ngà	Màu trắng ngà
	Kích thước thực (Rộng × Cao × Sâu)		mm	1.100 × 28 × 690	1.100 × 28 × 690
	Kích thước vận chuyển (Rộng × Cao × Sâu)		mm	1.140 × 100 × 754	1.140 × 100 × 754
	Trọng lượng thực		kg	4,65	4,65

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng ~ dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, v.v.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

Phụ kiện

MODEL MÁY	ARNU18GTSA4	ARNU24GTSA4
Bơm nước ngưng	○	
Vỏ dàn lạnh cassette	-	
Bộ phát hiện rò rỉ môi chất lạnh	PRLDNVS0 (R410a)	
Bộ EEV	PRGK024A0 (~5,6 kW)	
Mô-đun nguồn đa nhiệm	PINPMB001	
Robot làm sạch	-	
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)	○	
Bộ tạo ion	-	
Cảm biến CO_2	-	
Bộ thông gió	-	
Bộ thu sóng hồng ngoại	-	
Điều khiển vùng	-	
Bộ tiếp điểm khô (có phụ kiện bổ sung)	PDRYCB000 (1 tiếp điểm khô), PDRYCB320, PDRYCB400 (2 tiếp điểm), PDRYCB500 (Modbus)	
Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)	○	
Kết nối Wi-Fi	PWFMDD200	

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng

ARNU07GTUB4 / ARNU09GTUB4
ARNU12GTUB4



MODEL		ĐƠN VỊ	ARNU07GTUB4	ARNU09GTUB4	ARNU12GTUB4
Công suất làm lạnh		kW	2,2	2,8	3,6
		Btu/h	7.500	9.600	12.300
Công suất sưởi ấm		kW	2,5	3,2	4,0
		Btu/h	8.500	10.900	13.600
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)		W	20 / 18 / 16	22 / 20 / 18	24 / 22 / 20
Kích thước thực (Rộng × Cao × Sâu)		mm	860 × 132 × 450	860 × 132 × 450	860 × 132 × 450
Quạt	Loại		Quạt Cross Flow	Quạt Cross Flow	Quạt Cross Flow
	Công suất động cơ × Số lượng	W × Số lượng	30	30	30
	Lưu lượng gió (H / M / L)	m^3/phút	8,2 / 7,3 / 6,4	9,2 / 8,6 / 8,2	10 / 9,2 / 8,2
	Loại động cơ		BLDC	BLDC	BLDC
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng	mm (inch)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 6,35 (1/4)
	Đường kính ống hơi	mm (inch)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 12,7 (1/2)
	Ống nước ngưng (Đường kính trong)	mm (inch)	25 (1)	25 (1)	25 (1)
Trọng lượng		kg	12,2	12,2	12,2
Độ ồn (H / M / L)		dB (A)	32 / 29 / 25	35 / 34 / 32	38 / 35 / 32
Nguồn điện		Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Cáp kết nối	Dây tín hiệu (VCTF-SB)	mm^2 × lõi cáp	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng ~ dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, v.v.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

Phụ kiện

TÊN MODEL			PT-UAHW0	PT-TAHW0
Dàn máy áp dụng		-	TU	TT
Mô tả		-	Mặt nạ tiêu chuẩn	Mặt nạ tiêu chuẩn
Màu sắc vỏ ngoài		-	Màu trắng	Màu trắng
Mã RAL		-	RAL 9003	RAL 9003
Dual Vane		-	-	-
Kích thước (Rộng × Cao × Sâu)	Kích thước thực	mm	1.100 × 34 × 500	1.420 × 34 × 500
	Kích thước vận chuyển	mm	1.150 × 132 × 570	1.470 × 132 × 570
Trọng lượng	Trọng lượng thực	kg	3,3	4,5
	Trọng lượng vận chuyển	kg	4,7	6,5
Chức năng	Cảm biến PM1.0	-	-	-
Phụ kiện	Bộ lọc không khí	-	-	-
	Cảm biến phát hiện sàn*	-	-	-
	Cảm biến hiện diện con người*	-	-	-

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng

ARNU18GTTB4 / ARNU24GTTB4



MODEL		ĐƠN VỊ	ARNU18GTTB4	ARNU24GTTB4
Công suất làm lạnh		kW	5,6	7,1
		Btu/h	19.100	24.200
Công suất sưởi ấm		kW	6,3	7,1
		Btu/h	21.500	24.200
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)		W	38 / 28 / 24	51 / 33 / 26
Kích thước thực (Rộng × Cao × Sâu)		mm	1.180 × 132 × 450	1.180 × 132 × 450
Quạt	Loại		Quạt Cross Flow	Quạt Cross Flow
	Công suất động cơ × Số lượng	W × Số lượng	30	30
	Lưu lượng gió (H / M / L)	m^3/phút	13.3 / 12.1 / 10.9	14.6 / 13.3 / 11.5
	Loại động cơ		BLDC	BLDC
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng	mm (inch)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 9,52 (3/8)
	Đường kính ống hơi	mm (inch)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 15,88 (5/8)
	Ống nước ngưng (Đường kính trong)	mm (inch)	25 (1)	25 (1)
Trọng lượng		kg	15,3	15,3
Độ ồn (H / M / L)		dB (A)	40 / 37 / 35	43 / 40 / 36
Nguồn điện		Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Cáp kết nối	Dây tín hiệu (VCTF-SB)	mm^2 × lõi cáp	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng ~ dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, v.v.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

Phụ kiện

TÊN MODEL			PT-UPHG0	PT-TPHG0
Dàn máy áp dụng		-	TU	TT
Mô tả		-	Mặt nạ tiêu chuẩn	Mặt nạ cao cấp
Màu sắc vỏ ngoài		-	Màu trắng	Màu trắng
Mã RAL		-	RAL 9003	RAL 9003
Dual Vane		-	-	-
Kích thước (Rộng × Cao × Sâu)	Kích thước thực	mm	1.160 × 34 × 500	1.480 × 34 × 500
	Kích thước vận chuyển	mm	1.200 × 114 × 552	1.520 × 114 × 552
Trọng lượng	Trọng lượng thực	kg	3,9	4,9
	Trọng lượng vận chuyển	kg	5,6	7,1
Chức năng	Cảm biến PM1.0	-	-	○
Phụ kiện	Bộ lọc không khí	-	-	PTAHTP0
	Cảm biến phát hiện sàn*	-	-	-
	Cảm biến hiện diện con người*	-	-	-

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng



Tính năng & Lợi ích

• Thiết kế tròn sang trọng có thể tạo nên một không gian đẳng cấp có tính đến góc nhìn từ mặt bên.
• Lưu lượng gió thổi tròn hoàn hảo lan tỏa toàn bộ không gian.

Mục đích sử dụng chính

• Bán lẻ
• Nhà hàng
• Văn phòng
• Khách sạn

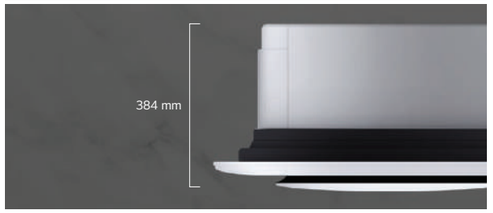
TÍNH NĂNG		DÀN LẠNH CASSETTE TRÒN
Tính năng thông minh	Kết nối Wi-Fi	○
Hiệu suất điện năng	Cảm biến phát hiện con người	-
Sự tiện lợi	Bơm nước ngưng	○
	Chế độ ngủ	○
	Bộ hẹn giờ (Bật/tắt)	○
	Bộ hẹn giờ (hàng tuần)	○
	Điều khiển bằng hai cảm biến nhiệt độ	○
	Điều khiển theo nhóm	○

※ ○: Áp dụng, - : Không áp dụng

Thiết kế mỏng và nhỏ gọn

Giảm 15% chiều cao phần thân giúp tiết kiệm không gian và tối đa hóa độ thông thoáng của không gian bên trong.

Nhãn hiệu khác



※ Sản phẩm: 48 kBtu

Dàn lạnh cassette tròn của LG

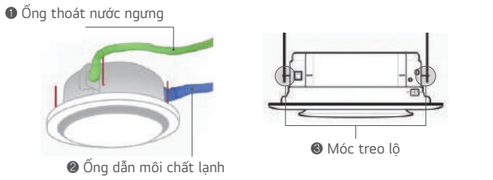


Chiều cao phần thân giảm đi 15% khiến căn phòng trông cao hơn

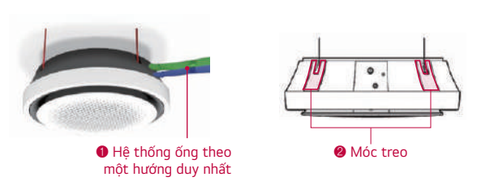
Thiết kế gọn gàng, tinh tế

Các ống dẫn được nối với nhau tại một nơi để giảm thiểu sự lộ ra ngoài. Móc treo che đi các bộ phận lắp đặt để trông gọn gàng sạch sẽ hơn.

Nhãn hiệu khác



Dàn lạnh cassette tròn của LG

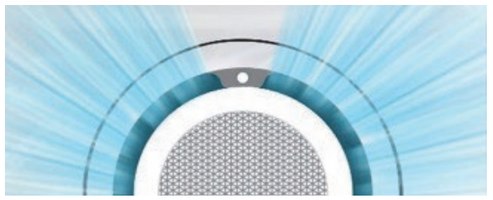


Lưu lượng gió thổi tròn hoàn hảo

Dòng thổi tròn hoàn hảo lan tỏa toàn bộ không gian.



Nhãn hiệu khác



Dòng khí thổi tròn theo 3 hướng bị nghẽn lại.

Dàn lạnh cassette tròn của LG



Dòng thổi tròn hoàn hảo lan tỏa toàn bộ không gian.

Luồng gió thổi không điểm mù

Cánh vẫy (Crystal Vane) cho phép điều khiển chính xác theo 6 bước, mang hơi gió lạnh và gió ấm tỏa đến mọi góc phòng.

Nhãn hiệu khác



Điều khiển hướng gió ❶ ❷ ❸

Dàn lạnh cassette tròn của LG



Điều khiển hướng gió ❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ❻

Lưu lượng gió mạnh mẽ và êm ái

Quạt 3D làm tăng 5% dòng khí và công nghệ giảm tiếng ồn giúp không gian yên tĩnh hơn, dễ chịu hơn.

Quạt 3D mạnh mẽ, lưu lượng gió 5% ↑



Quạt 3D mạnh mẽ, độ ồn thấp

※ 48k Btu/h, lưu lượng gió thấp





Truyền dẫn thông thường
Độ ồn 50 dB (A)

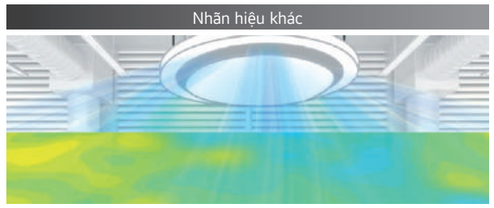


Độ ồn trong thư viện 40 dB (A)

Làm lạnh nhanh hơn 30%

Lưu lượng gió cao hơn, tốc độ làm lạnh nhanh hơn 30%.

Nhãn hiệu khác



Đặt thời gian đạt nhiệt độ 18 phút (chiều cao 1,1 m)

Dàn lạnh cassette tròn của LG



Đặt thời gian đạt nhiệt độ 12 phút (chiều cao 1,1 m)

※ Dựa trên các kết quả thử nghiệm từ buồng thử nghiệm của LG, hình ảnh này được thiết kế để giúp khách hàng hiểu rõ hơn. Môi trường thử nghiệm: chiều cao 3,2 m, 48 kBtu, chế độ làm lạnh, tốc độ dòng khí cao, hướng lưu lượng gió theo chiều ngang

ARNU24GTYA4 / ARNU36GTYA4 / ARNU48GTYA4



MODEL		ĐƠN VỊ	ARNU24GTYA4	ARNU36GTYA4	ARNU48GTYA4
Công suất làm lạnh	Danh định	kW	7,1	10,6	14,1
		Btu/h	24.200	36.200	48.100
Công suất sưởi ấm	Danh định	kW	8,0	11,9	15,9
		Btu/h	27.300	40.600	54.200
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)		W	44 / 36 / 29	63 / 47 / 36	98 / 70 / 44
Loại quạt	Loại	-	Quạt Turbo 3D	Quạt Turbo 3D	Quạt Turbo 3D
	Lưu lượng gió (H / M / L)	m^3/phút	22 / 21 / 19	27 / 24 / 21	32 / 28 / 23
	Loại quạt động cơ	-	BLDC	BLDC	BLDC
	Công suất động cơ quạt	W × No.	157 × 1	157 × 1	157 × 1
Kích thước thực (Rộng × Cao × Sâu)		mm	1.050 × 330 × 1.050	1.050 × 330 × 1.050	1.050 × 330 × 1.050
Trọng lượng		kg	30,0	30,0	30,0
Vỏ ngoài	Màu sắc	-	Trắng	Trắng	Trắng
Ống nước ngưng	Đường kính trong	mm (inch)	25 (1)	25 (1)	25 (1)
Chiều dài nối ống	Ống lỏng	mm (inch)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)
	Ống hơi	mm (inch)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)
Độ ồn (H / M / L)		dB (A)	39 / 37 / 34	43 / 39 / 37	47 / 44 / 39
Nguồn cấp	-	Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Cáp kết nối	Dây tín hiệu (VCTF-SB)	mm^2 × lõi cáp	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng ~ dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, vv.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

Phụ kiện

MODEL MÁY	ARNU24GTYA4	ARNU36GTYA4	ARNU48GTYA4
Bơm nước ngưng	○		
Vỏ dàn lạnh cassette	-		
Bộ phát hiện rò rỉ môi chất lạnh	PRLDNVS0 (R410a)		
Bộ EEV	-		
Mô-đun nguồn đa nhiệm	PINPMB001		
Robot làm sạch	-		
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)	○		
Bộ tạo ion	-		
Cảm biến CO_2	-		
Bộ thông gió	-		
Bộ thu sóng hồng ngoại	-		
Điều khiển vùng	-		
Bộ tiếp điểm khô (có phụ kiện bổ sung)	PDRYCB000 (1 tiếp điểm khô), PDRYCB320, PDRYCB400 (2 tiếp điểm), PDRYCB500 (Modbus)		
Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)	○		
Kết nối Wi-Fi	PWFMDD200		
Cảm biến hiện diện con người	-		
Cảm biến hiện diện con người	-		
Bộ lọc không khí	PTAHYP0		
Lưới nâng cao	-		

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng



Tính năng & Lợi ích

- Dàn lạnh âm trần nối ống gió đơn giản và linh hoạt điều chỉnh lượng không khí bằng chức năng kiểm soát áp suất tĩnh ngoài (ESP).
- Phong cách hiển thị tối giản (Ẩn bên trong trần) để phù hợp với bất kỳ không gian nội thất nào.

Mục đích sử dụng chính

- Văn phòng
- Khách sạn
- Bán lẻ
- Chung cư

TÍNH NĂNG		DÀN LẠNH ÂM TRẦN NỐI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TĨNH CAO	DÀN LẠNH ÂM TRẦN NỐI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TĨNH TRUNG BÌNH	DÀN LẠNH ÂM TRẦN NỐI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TĨNH THẤP
Tính năng thông minh	Kết nối Wi-Fi	○	○	○
Hiệu suất điện năng	Điều áp suất tĩnh	○	○	○
Sự tiện lợi	Bơm nước ngưng	○	○	○
	Bộ hẹn giờ (Bật/tắt)	○	○	○
	Bộ hẹn giờ (hàng tuần)	○	○	○
	Điều khiển bằng hai cảm biến nhiệt độ	○	○	○
	Điều khiển theo nhóm	○	○	○

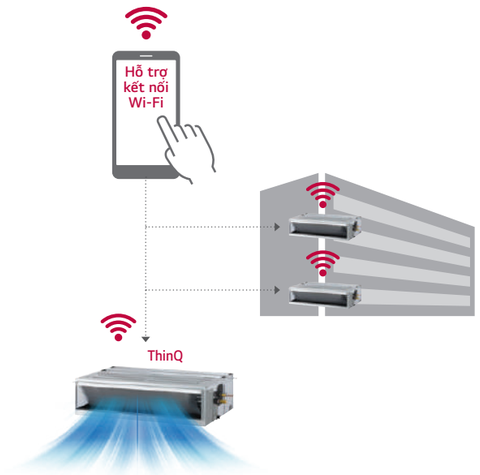
※ ○: Áp dụng, - : Không áp dụng

Điều khiển thông qua Wi-Fi

Truy cập vào thiết bị mọi lúc, mọi nơi bằng điện thoại thông minh sử dụng hệ điều hành Android và iOS.

ThinQ

Tìm kiếm "ThinQ" trên Google hoặc App Store để tải xuống ứng dụng.



Dễ dàng đăng ký và đăng nhập

Thực hiện các bước thiết lập để kích hoạt các tính năng thân thiện với người dùng của ThinQ.



Thực hiện nhiều chức năng chỉ với một thao tác

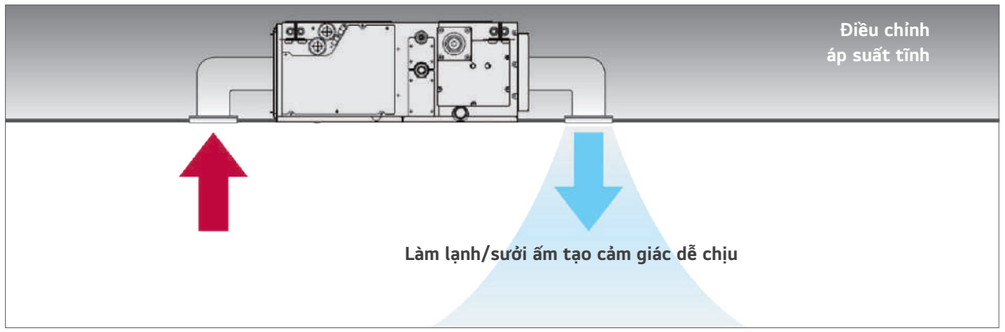


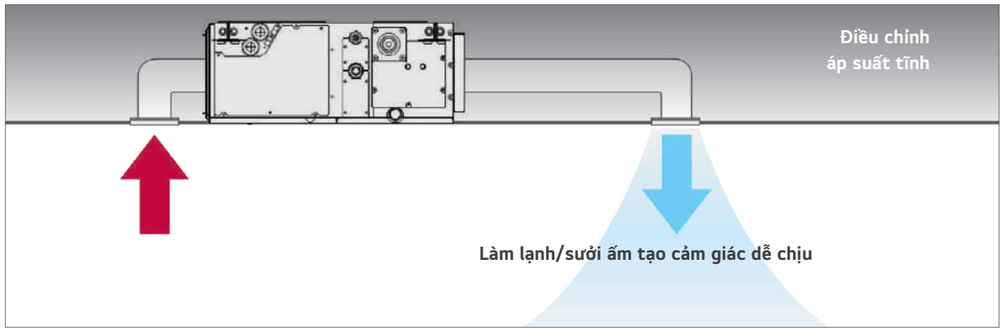
Bật/tắt, nhiệt độ hiện tại | Chế độ, đặt nhiệt độ | Kiểm soát vùng

※ Đối với chính sách của chúng tôi về việc liên tục cải tiến ứng dụng ThinQ, thông số kỹ thuật, thiết kế và tính năng có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Kiểm soát áp suất tĩnh ngoài (ESP)

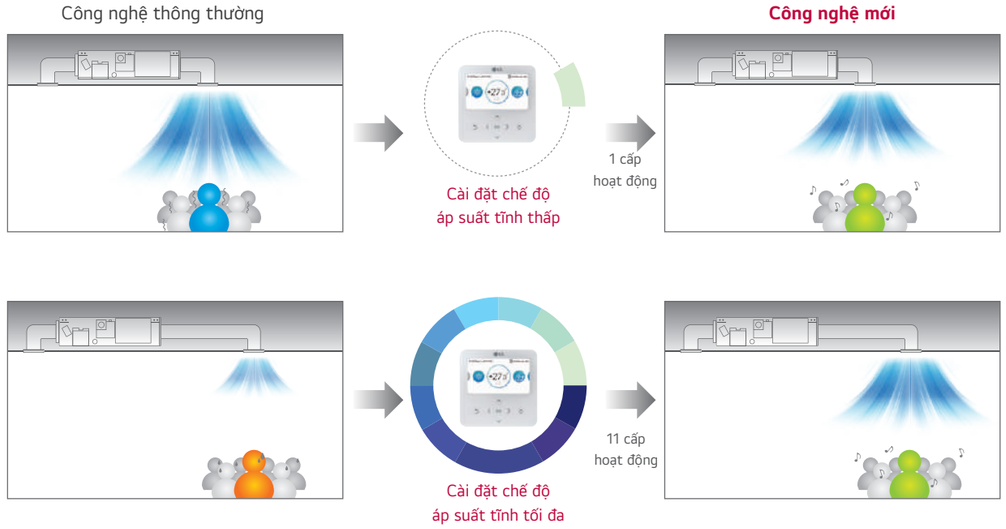
Người dùng có thể dễ dàng lựa chọn lượng không khí bằng điều khiển từ xa sử dụng chức năng điều chỉnh áp suất tĩnh ngoài. Động cơ BLDC có thể điều khiển tốc độ quạt và lưu lượng gió. Không cần thêm phụ kiện để điều khiển lưu lượng gió.





Điều khiển bằng áp suất tĩnh 11 cấp hoạt động

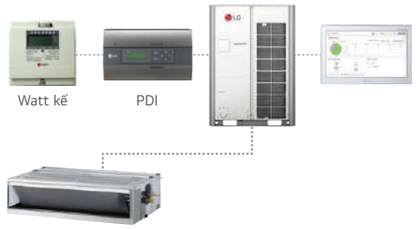
Tùy thuộc vào môi trường lắp đặt, dàn lạnh âm trần nối ống gió của LG điều khiển áp suất tĩnh với 11 cấp hoạt động nhằm mang lại sự dễ chịu tối đa cho mọi môi trường



Giám sát điện năng

Lượng điện năng tích lũy của dàn lạnh có thể được xác định bằng điều khiển từ xa có dây cũng như bằng điều khiển trung tâm. Chức năng này là một ưu điểm cho việc quản lý điện năng.

Sơ đồ lắp đặt

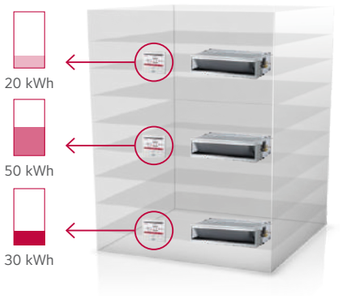






Áp dụng cho tòa nhà cao tầng



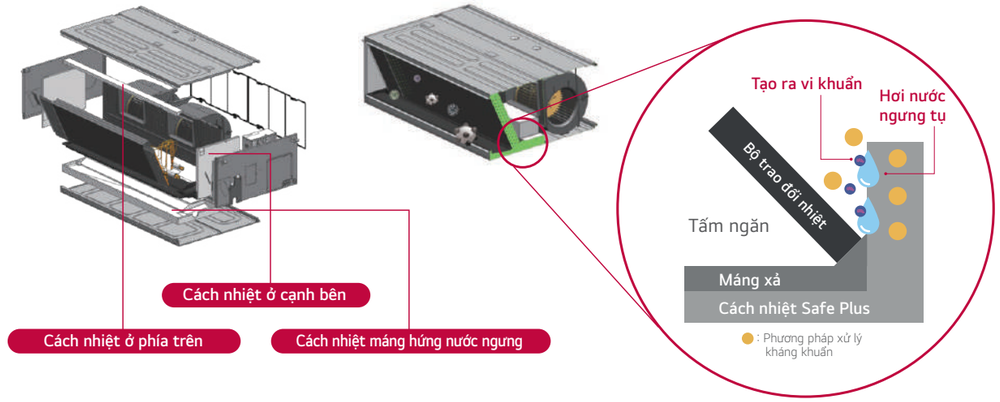


※ Điện năng tích lũy của dàn nóng / mức sử dụng của dàn lạnh độc lập + điện năng tích lũy của dàn lạnh được hiển thị trên điều khiển từ xa có dây, chỉ khi có điều khiển trung tâm; đồng hồ đo điện tích hợp kỹ thuật số và PDI được lắp đặt và PDI, dàn nóng và dàn lạnh được nối bằng dây nguồn. Chỉ tổng lượng điện năng tích lũy được hiển thị trong điều khiển từ xa có dây tiêu chuẩn. Trong điều khiển từ xa có dây cao cấp, tổng lượng điện năng tích lũy hiển thị theo tuần/tháng/năm.

Cách nhiệt Safe Plus

Tại sao lại sử dụng tính năng cách nhiệt Safe Plus?

Cách nhiệt Safe Plus là một phương pháp xử lý kháng khuẩn được áp dụng cho các bộ phận cách nhiệt bên trong dàn lạnh LG MULTI V để ngăn chặn sự phát triển của nấm mốc và cung cấp luồng không khí trong lành, sạch sẽ hơn.

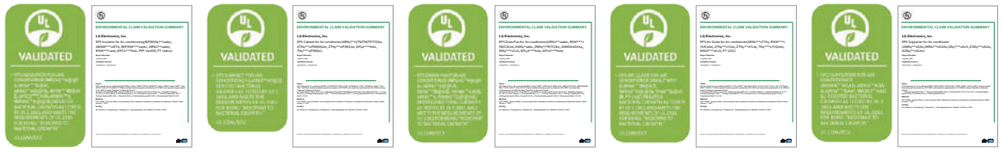


Vệ sinh bên trong máy điều hòa không khí của bạn như thế nào?



Ví dụ về trường hợp ô nhiễm EPS.

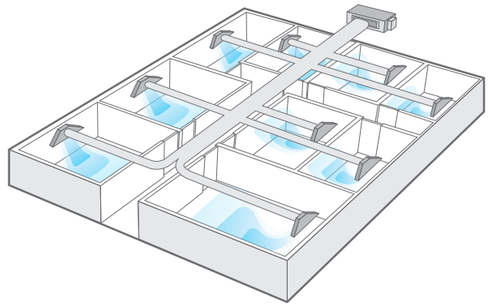
Các loại máy điều hòa không khí ngày nay cũng như khả năng làm lạnh nhanh & tiết kiệm điện giờ đây đã trở nên phổ biến, tất cả các thương hiệu đều truyền thông về từng lợi ích của việc lọc vi khuẩn, bụi, nấm mốc và lọc sạch không khí bị ô nhiễm. Tuy nhiên, làm cách nào để vệ sinh bên trong máy điều hòa không khí? Nếu bên trong máy điều hòa bị nhiễm bẩn, bạn có thể làm gì?
Phương pháp xử lý kháng khuẩn trên ***EPS (Vỏ máy, khay hứng nước ngưng, bộ hướng gió, vật liệu cách nhiệt, giá đỡ)** cho máy điều hòa không khí là công nghệ được ứng dụng lần đầu tiên trên Thế Giới, chỉ có tại LG.



EPS vật liệu cách nhiệt | EPS vỏ máy | EPS khay hứng nước ngưng | EPS bộ hướng gió | EPS giá đỡ

Phục vụ đồng thời cho nhiều không gian

Phục vụ nhu cầu làm lạnh/ sưởi ấm đồng thời cho nhiều không gian thông qua hệ thống phân phối gió như ống gió (ống gió cứng, ống gió mềm) và miệng gió (cấp/ hồi).



Cảnh báo bộ lọc

Cảnh báo được kích hoạt khi bộ lọc cần được làm sạch và thời gian còn lại để làm sạch được hiển thị trên màn hình.

Thời gian còn lại cho đến khi cần làm sạch bộ lọc của dàn lạnh + cảnh báo





Điều khiển từ xa có dây tiêu chuẩn

Thời gian còn lại cho đến khi cần làm sạch bộ lọc của dàn lạnh là 2.400 giờ.





Điều khiển từ xa có dây cao cấp

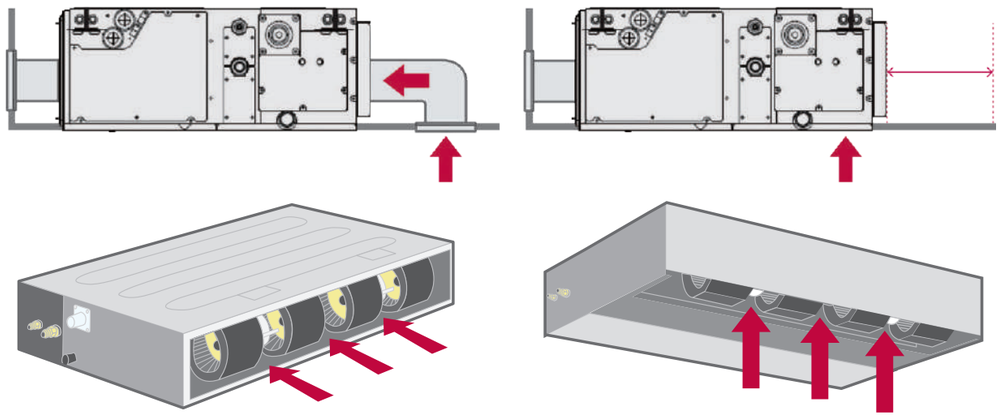
Thời gian còn lại cho đến khi cần làm sạch bộ lọc của dàn lạnh là 1.729 giờ.

Lắp đặt linh hoạt

(Chỉ áp dụng với dàn lạnh âm trần nối ống gió áp suất tĩnh thấp loại mỏng)

Cảnh báo được kích hoạt khi bộ lọc cần được làm sạch và thời gian còn lại để làm sạch được hiển thị trên màn hình.

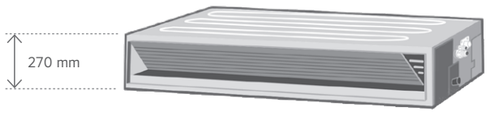
Đường gió hồi ở phía sau hoặc phía dưới

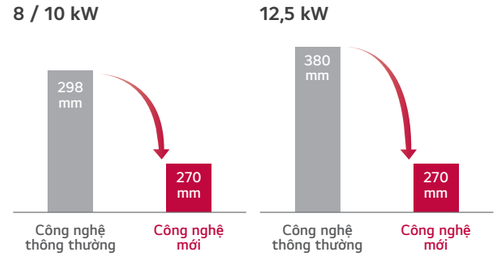


Chiều cao tối thiểu

(Dành cho dàn lạnh âm trần nối ống gió áp suất tĩnh trung bình)

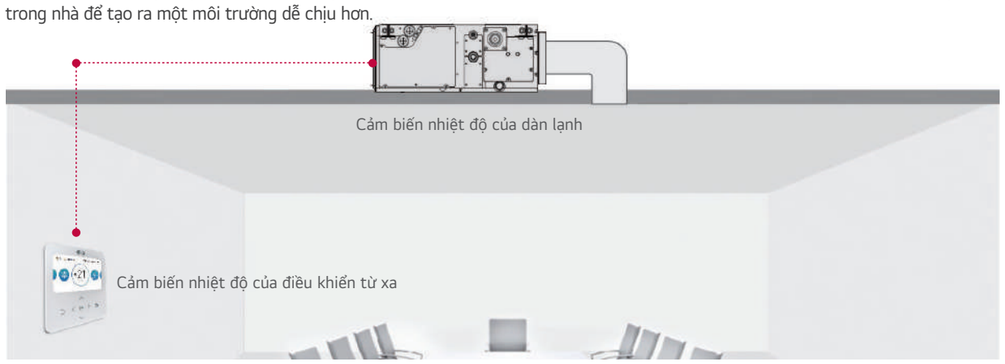
Dàn lạnh âm trần nối ống gió áp suất tĩnh trung bình cung cấp giải pháp lý tưởng khi lắp đặt trong không gian hạn chế.





Điều khiển bằng hai cảm biến nhiệt độ

Có thể kiểm tra nhiệt độ của dàn lạnh bằng cách sử dụng cảm biến nhiệt độ trong điều khiển từ xa cũng như trong dàn lạnh. Có thể có sự khác biệt đáng kể giữa nhiệt độ không khí trên trần và dưới sàn. Hai cảm biến nhiệt độ có thể tối ưu hóa nhiệt độ không khí trong nhà để tạo ra một môi trường dễ chịu hơn.

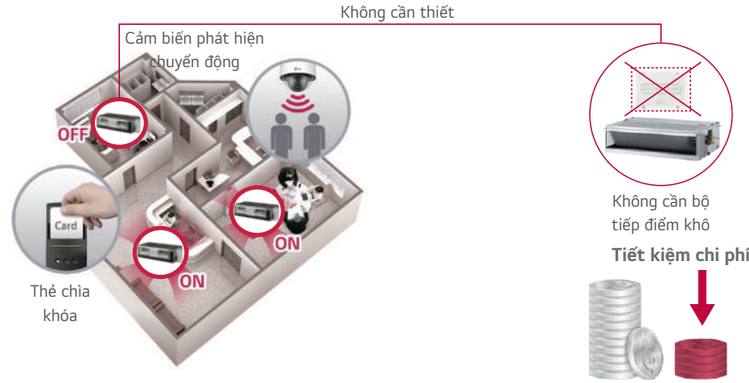


Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)

(Điều khiển bật/tắt)

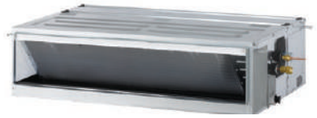
Dàn lạnh có thể được điều khiển bằng thiết bị bên ngoài mà không cần bộ tiếp điểm khô nên khách hàng có thể tiết kiệm chi phí lắp đặt.

Kết nối trực tiếp giữa dàn lạnh và thiết bị bên ngoài



※ Trong trường hợp cần thêm chức năng bên cạnh chức năng điều khiển bật/tắt, cần lắp đặt bộ tiếp điểm khô.

ARNU07GM1A4 / ARNU09GM1A4 / ARNU12GM1A4
ARNU15GM1A4 / ARNU18GM1A4



MODEL		ĐƠN VỊ	ARNU07GM1A4	ARNU09GM1A4	ARNU12GM1A4	ARNU15GM1A4	ARNU18GM1A4
Công suất làm lạnh		kW	2,2	2,8	3,6	4,5	5,6
		Btu/h	7.500	9.600	12.300	15.400	19.100
Công suất sưởi ấm		kW	2,5	3,2	4,0	5,0	6,3
		Btu/h	8.500	10.900	13.600	17.100	21.500
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)		W	39 / 30 / 25	40 / 32 / 26	46 / 38 / 31	67 / 53 / 46	85 / 63 / 55
Kích thước thực (Rộng × Cao × Sâu)		mm	900 × 270 × 700	900 × 270 × 700	900 × 270 × 700	900 × 270 × 700	900 × 270 × 700
Quạt	Loại		Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco
	Công suất động cơ × Số lượng	W × Số lượng	136 × 1	136 × 1	136 × 1	136 × 1	136 × 1
	Lưu lượng gió (H / M / L)	m^3/phút	9,0 / 7,5 / 6,0	9,5 / 7,5 / 6,0	11,0 / 9,0 / 7,0	16,0 / 12,0 / 9,0	17,0 / 14,5 / 12,0
	Áp suất tĩnh ngoài	mmAq(Pa)	6 (59)	6 (59)	6 (59)	6 (59)	6 (59)
	Loại động cơ		BLDC	BLDC	BLDC	BLDC	BLDC
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng	mm (inch)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 6,35 (1/4)
	Đường kính ống hơi	mm (inch)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 12,7 (1/2)
	Ống nước ngưng (Đường kính trong)	mm (inch)	25 (1)	25 (1)	25 (1)	25 (1)	25 (1)
Trọng lượng		kg	25,0	25,0	25,0	25,0	25,0
Độ ồn (H / M / L)		dB (A)	26 / 24 / 23	27 / 25 / 23	27 / 25 / 23	30 / 27 / 23	31 / 28 / 25
Nguồn điện		Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Cáp kết nối	Dây tín hiệu (VCTF-SB)	mm^2 × lõi cáp	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng ~ dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, vv.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

Phụ kiện

MODEL MÁY	ARNU07GM1A4	ARNU09GM1A4	ARNU12GM1A4	ARNU15GM1A4	ARNU18GM1A4
Bơm nước ngưng	○				
Bộ phát hiện rò rỉ môi chất lạnh	PRLDNVS0 (R410a)				
Bộ EEV	PRGK024A0 (~5,6kW)				
Mô-đun nguồn đa nhiệm	PINPMB001				
Robot làm sạch	-				
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)	○				
Bộ tạo ion	-				
Cảm biến CO_2	-				
Bộ thông gió	-				
Bộ thu sóng hồng ngoại	PWLRVN000				
Điều khiển vùng	ABZCA				
Bộ tiếp điểm khô (có phụ kiện bổ sung)	PDRYCB000 (1 tiếp điểm khô), PDRYCB320, PDRYCB400 (2 tiếp điểm), PDRYCB500 (Modbus)				
Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)	○				
Kết nối Wi-Fi	PWFMDD200				

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng

ARNU24GM2A4 / ARNU28GM2A4
ARNU36GM2A4 / ARNU42GM3A4





MODEL		ĐƠN VỊ	ARNU24GM1A4	ARNU28GM2A4	ARNU36GM2A4	ARNU42GM2A4
Công suất làm lạnh		kW	7,1	8,2	10,6	12,3
		Btu/h	24.200	28.000	36.200	42.000
Công suất sưởi ấm		kW	8,0	9,2	11,9	13,8
		Btu/h	27.300	31.500	40.600	47.000
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)		W	91 / 74 / 58	123 / 81 / 57	184 / 123 / 81	231 / 162 / 111
Kích thước thực (Rộng × Cao × Sâu)		mm	900 × 270 × 700	1.250 × 270 × 700	1.250 × 270 × 700	1.250 × 270 × 700
Quạt	Loại		Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco
	Công suất động cơ × Số lượng	W × Số lượng	136 × 1	350 × 1	350 × 1	350 × 1
	Lưu lượng gió (H / M / L)	m^3/phút	19,0 / 16,0 / 14,0	28,0 / 24,0 / 21,0	32,0 / 28,0 / 24,0	38,0 / 33,0 / 28,0
	Áp suất tĩnh ngoài	mmAq(Pa)	6 (59)	6 (59)	6 (59)	6 (59)
	Loại động cơ		BLDC	BLDC	BLDC	BLDC
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng	mm (inch)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)
	Đường kính ống hơi	mm (inch)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)
	Ống nước ngưng (Đường kính trong)	mm (inch)	25 (1)	25 (1)	25 (1)	25 (1)
Trọng lượng		kg	25,9	36,0	36,0	37,2
Độ ồn (H / M / L)		dB (A)	32 / 29 / 26	38 / 36 / 35	40 / 38 / 36	42 / 41 / 39
Nguồn điện		Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Cáp kết nối	Dây tín hiệu (VCTF-SB)	mm^2 × lõi cáp	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng ~ dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, vv.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

Phụ kiện

MODEL MÁY	ARNU24GM1A4	ARNU28GM2A4	ARNU36GM2A4	ARNU42GM2A4
Bơm nước ngưng	○		○	
Bộ phát hiện rò rỉ môi chất lạnh	PRLDNVS0 (R410a)	PRLDNVS0 (R410a)		
Bộ EEV	PRGK024A0 (~5,6kW)	-		
Mô-đun nguồn đa nhiệm	PINPMB001	PINPMB001		
Robot làm sạch	-	-		
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)	○	○		
Bộ tạo ion	-	-		
Cảm biến CO_2	-	-		
Bộ thông gió	-	-		
Bộ thu sóng hồng ngoại	PWLRVN000	PWLRVN000		
Điều khiển vùng	ABZCA	ABZCA		
Bộ tiếp điểm khô (có phụ kiện bổ sung)	PDRYCB000 (1 tiếp điểm khô), PDRYCB320, PDRYCB400 (2 tiếp điểm), PDRYCB500 (Modbus)			
Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)	○	○		
Kết nối Wi-Fi	PWFMDD200	PWFMDD200		

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng

ARNU48GM3A4 / ARNU54GM3A4



MODEL		ĐƠN VỊ	ARNU48GM3A4	ARNU54GM3A4
Công suất làm lạnh		kW	14,1	15,8
		Btu/h	48.100	54.000
Công suất sưởi ấm		kW	15,9	18,0
		Btu/h	54.200	61.400
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)		W	172 / 105 / 65	260 / 215 / 172
Kích thước thực (Rộng × Cao × Sâu)		mm	1.250 × 360 × 700	1.250 × 360 × 700
Quạt	Loại		Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco
	Công suất động cơ × Số lượng	W × Số lượng	400 × 1	400 × 1
	Lưu lượng gió (H / M / L)	m^3/phút	40,0 / 34,0 / 28,0	50,0 / 45,0 / 40,0
	Áp suất tĩnh ngoài	mmAq(Pa)	6 (59)	6 (59)
	Loại động cơ		BLDC	BLDC
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng	mm (inch)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)
	Đường kính ống hơi	mm (inch)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 19,05 (3/4)
	Ống nước ngưng (Đường kính trong)	mm (inch)	25 (1)	25 (1)
Trọng lượng		kg	42,2	42,2
Độ ồn (H / M / L)		dB (A)	41 / 38 / 37	42 / 41 / 40
Nguồn điện		Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Cáp kết nối	Dây tín hiệu (VCTF-SB)	mm^2 × lõi cáp	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng ~ dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, v.v.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

Phụ kiện

MODEL MÁY	ARNU48GM3A4	ARNU54GM3A4
Bơm nước ngưng	○	
Bộ phát hiện rò rỉ môi chất lạnh	PRLDNVS0 (R410a)	
Bộ EEV	-	
Mô-đun nguồn đa nhiệm	PINPMB001	
Robot làm sạch	-	
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)	○	
Bộ tạo ion	-	
Cảm biến CO_2	-	
Bộ thông gió	-	
Bộ thu sóng hồng ngoại	PWLRVN000	
Điều khiển vùng	ABZCA	
Bộ tiếp điểm khô (có phụ kiện bổ sung)	PDRYCB000 (1 tiếp điểm khô), PDRYCB320, PDRYCB400 (2 tiếp điểm), PDRYCB500 (Modbus)	
Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)	○	
Kết nối Wi-Fi	PWFMDD200	

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng

ARNU76GB8A4 / ARNU96GB8A4



MODEL		ĐƠN VỊ	ARNU76GB8A4	ARNU96GB8A4
Công suất làm lạnh		kW	22,4	28,0
		Btu/h	76.400	95.900
Công suất sưởi ấm		kW	25,2	31,5
		Btu/h	86.000	107.500
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)		W	765 / 500 / 500	800 / 750 / 750
Kích thước thực (Rộng × Cao × Sâu)		mm	1.562 × 460 × 688	1.562 × 460 × 688
Quạt	Loại		Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco
	Công suất động cơ × Số lượng	W × Số lượng	375 × 2	375 × 2
	Áp suất tĩnh ngoài	mmAq(Pa)	22 (216)	22 (216)
	Lưu lượng gió (H / M / L)	m^3/phút	64,0 / 50,0 / 50,0	76,0 / 64,0 / 64,0
	Áp suất tĩnh ngoài	mmAq(Pa)	15 (147)	15 (147)
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng	mm (inch)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)
	Đường kính ống hơi	mm (inch)	Ø 19,05 (3/4)	Ø 22,2 (7/8)
	Ống nước ngưng (Đường kính trong)	mm (inch)	25 (1)	25 (1)
Trọng lượng		kg	87	87
Độ ồn (H / M / L)		dB (A)	45 / 41 / 40	47 / 42 / 41
Nguồn điện		Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Cáp kết nối	Dây tín hiệu (VCTF-SB)	mm^2 × lõi cáp	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng ~ dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, v.v.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

Phụ kiện

MODEL MÁY	ARNU76GB8A4	ARNU96GB8A4
Bơm nước ngưng	○	
Bộ phát hiện rò rỉ môi chất lạnh	PRLDNVS0 (R410a)	
Bộ EEV	○	
Mô-đun nguồn đa nhiệm	PINPMB001	
Robot làm sạch	-	
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)	○	
Bộ tạo ion	-	
Cảm biến CO_2	-	
Bộ thông gió	-	
Bộ thu sóng hồng ngoại	PWLRVN000	
Điều khiển vùng	ABZCA	
Bộ tiếp điểm khô (có phụ kiện bổ sung)	PDRYCB000 (1 tiếp điểm khô), PDRYCB320, PDRYCB400 (2 tiếp điểm), PDRYCB500 (Modbus)	
Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)	○	
Kết nối Wi-Fi	PWFMDD200	

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng

ARNU05GL1G4 / ARNU07GL1G4
ARNU09GL1G4 / ARNU12GL2G4



MODEL		ĐƠN VỊ	ARNU05GL1G4	ARNU07GL1G4	ARNU09GL1G4	ARNU12GL2G4
Công suất làm lạnh		kW	1,7	2,2	2,8	3,6
		Btu/h	5.800	7.500	9.600	12.300
Công suất sưởi ấm		kW	1,9	2,5	3,2	4,0
		Btu/h	6.500	8.500	10.900	13.600
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)		W	29 / 26 / 24	31 / 28 / 24	39 / 29 / 24	41 / 34 / 29
Kích thước thực (Rộng × Cao × Sâu)		mm	700 × 190 × 700	700 × 190 × 700	700 × 190 × 700	900 × 190 × 700
Quạt	Loại		Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco
	Công suất động cơ × Số lượng	W × Số lượng	19 × 1	19 × 1	19 × 1	19 × 1, 5 × 1
	Lưu lượng gió (H / M / L)	m^3/phút	6,7 / 6,2 / 5,5	7,5 / 6,5 / 5,5	9,0 / 7,0 / 5,5	10,0 / 8,5 / 7,0
	Áp suất tĩnh ngoài	mmAq(Pa)	2,54 (25)	2,54 (25)	2,54 (25)	2,54 (25)
	Loại động cơ		BLDC	BLDC	BLDC	BLDC
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng	mm (inch)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 6,35 (1/4)
	Đường kính ống hơi	mm (inch)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 12,7 (1/2)
	Ống nước ngưng (Đường kính trong)	mm (inch)	25 (1)	25 (1)	25 (1)	25 (1)
Trọng lượng		kg	16,3	16,3	16,3	20,9
Độ ồn (H / M / L)		dB (A)	25 / 24 / 22	26 / 24 / 22	28 / 25 / 22	30 / 27 / 25
Nguồn điện		Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Cáp kết nối	Dây tín hiệu (VCTF-SB)	mm^2 × lõi cáp	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng ~ dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, v.v.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

Phụ kiện

Model máy	ARNU05GL1G4	ARNU07GL1G4	ARNU09GL1G4	ARNU12GL2G4
Bơm nước ngưng		○		○
Bộ phát hiện rò rỉ môi chất lạnh		PRLDNVS0		PRLDNVS0
Bộ EEV		PRGK024A0		PRGK024A0
Mô-đun cấp điện độc lập		PRIP0		PRIP0
Robot làm sạch		-		-
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)		○		○
Bộ tạo ion		-		-
Cảm biến CO_2		-		-
Bộ thông gió		-		-
Bộ thu sóng hồng ngoại		PWLRVN000		PWLRVN000
Điều khiển vùng		ABZCA		ABZCA
Bộ tiếp điểm khô (có phụ kiện bổ sung)		PDRYCB000 (1 tiếp điểm khô), PDRYCB300 (8 điểm tương thích với bộ điều nhiệt), PDRYCB320 (Đầu vào đa năng), PDRYCB400 (2 tiếp điểm), PDRYCB500 (Modbus)		
Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)		○		○
Kết nối Wi-Fi		PWFMDD200		PWFMDD200

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng

ARNU15GL2G4 / ARNU18GL2G4
ARNU21GL3G4 / ARNU24GL3G4



MODEL		ĐƠN VỊ	ARNU15GL2G4	ARNU18GL2G4	ARNU21GL3G4	ARNU24GL3G4
Công suất làm lạnh		kW	4,5	5,6	6,2	7,1
		Btu/h	15.400	19.100	21.000	24.000
Công suất sưởi ấm		kW	5,0	6,3	7,0	8,0
		Btu/h	17.100	21.500	23.900	27.300
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)		W	56 / 41 / 34	71 / 56 / 41	72 / 53 / 48	103 / 63 / 48
Kích thước thực (Rộng × Cao × Sâu)		mm	900 × 190 × 700	900 × 190 × 700	1.100 × 190 × 700	1.100 × 190 × 700
Quạt	Loại		Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco
	Công suất động cơ × Số lượng	W × Số lượng	19 × 1, 5 × 1	19 × 1, 5 × 1	19 × 2	19 × 2
	Lưu lượng gió (H / M / L)	m^3/phút	12,5 / 10,0 / 8,5	15,0 / 12,5 / 10,0	17,5 / 14,0 / 12,0	20,0 / 16,0 / 12,0
	Áp suất tĩnh ngoài	mmAq(Pa)	2,54 (25)	2,54 (25)	2,54 (25)	2,54 (25)
	Loại động cơ		BLDC	BLDC	BLDC	BLDC
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng	mm (inch)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)
	Đường kính ống hơi	mm (inch)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)
	Ống nước ngưng (Đường kính trong)	mm (inch)	25 (1)	25 (1)	25 (1)	25 (1)
Trọng lượng		kg	20,9	20,9	24,2	24,2
Độ ồn (H / M / L)		dB (A)	33 / 30 / 28	35 / 32 / 29	35 / 29 / 28	36 / 33 / 28
Nguồn điện		Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Cáp kết nối	Dây tín hiệu (VCTF-SB)	mm^2 × lõi cáp	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng ~ dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, v.v.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

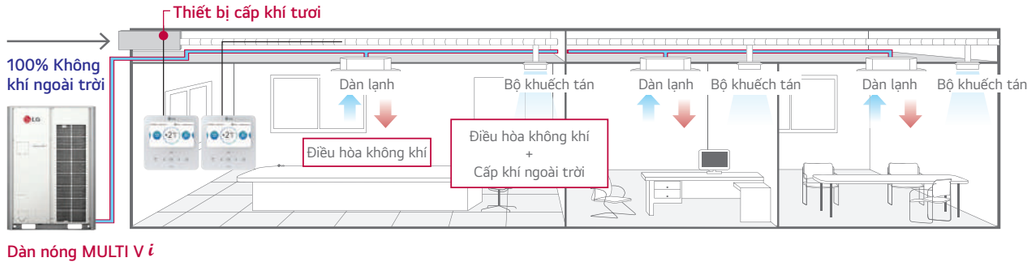
Phụ kiện

Model máy	ARNU15GL2G4	ARNU18GL2G4	ARNU21GL3G4	ARNU24GL3G4
Bơm nước ngưng	○		○	
Bộ phát hiện rò rỉ môi chất lạnh	PRLDNVS0		PRLDNVS0	
Bộ EEV	-		PRGK024A0	
Mô-đun cấp điện độc lập	PRIP0		PRIP0	
Robot làm sạch	-		-	
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)	○		○	
Bộ tạo ion	-		-	
Cảm biến CO_2	-		-	
Bộ thông gió	-		-	
Bộ thu sóng hồng ngoại	PWLRVN000		PWLRVN000	
Điều khiển vùng	ABZCA		ABZCA	
Bộ tiếp điểm khô (có phụ kiện bổ sung)	PDRYCB000 (1 tiếp điểm khô), PDRYCB300 (8 điểm tương thích với bộ điều nhiệt), PDRYCB320 (Đầu vào đa năng), PDRYCB400 (2 tiếp điểm), PDRYCB500 (Modbus)			
Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)	○		○	
Kết nối Wi-Fi	PWFMDD200		PWFMDD200	

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng

Thiết bị cấp khí tươi

Thiết bị cấp khí tươi (FAU) của LG là giải pháp thông gió thay thế, cung cấp không khí trong lành ngoài trời cho không gian trong nhà, đồng thời làm lạnh hoặc sưởi ấm không khí bên trong. Điều đó có nghĩa là không gian trong nhà có áp suất khí chủ động một cách ổn định, có thể ngăn khí lạnh, khí nóng hoặc khí ô nhiễm từ bên ngoài vào. Điều này cho phép không gian bên trong có áp suất khí chủ động để ngăn khí lạnh.

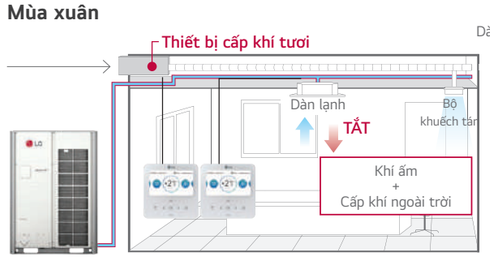


Dàn nóng MULTI V *i*

Hoạt động tiết kiệm chi phí

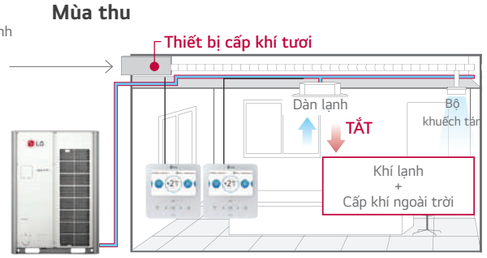
Tận dụng khí tự nhiên ngoài trời theo mùa để tiết kiệm chi phí.

Mùa xuân



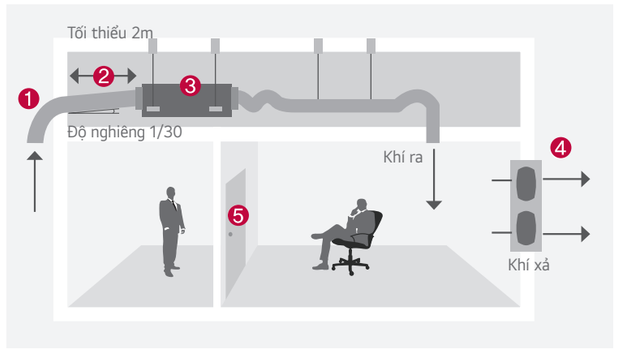
Dàn nóng MULTI V *i*

Mùa thu



Dàn nóng MULTI V *i*

Sơ đồ lắp đặt



1 Cổng khí vào
2 Ống dẫn khí vào
3 Thiết bị cấp khí tươi
4 Quạt hút gió
5 Cửa

ARNU48GM3Z4 / ARNU76GB8Z4 / ARNU96GB8Z4




MODEL		ĐƠN VỊ	ARNU48GM3Z4	ARNU76GB8Z4	ARNU96GB8Z4
Công suất làm lạnh		kW	14,1	22,4	28
		Btu/h	48.100	76.400	95.900
Công suất sưởi ấm		kW	13,5	21,4	26,7
		Btu/h	46.100	73.080	91.360
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)		W	75 / 47 / 47	230 / 200 / 200	360 / 230 / 230
Kích thước (Rộng × Cao × Sâu)		mm	1.250 × 360 × 700	1,562 × 460 × 688	1,562 × 460 × 688
Quạt	Loại		Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco
	Công suất động cơ × Số lượng	W × Số lượng	400 × 1	375 × 1	375 × 1
	Lưu lượng gió (H / M / L)	m^3/phút	20 / 13,2 / 13,2	23,7 / 13,2 / 13,2	35,7 / 23,7 / 23,7
	Áp suất tĩnh ngoài	mmAq (Pa)	6 (59)	22 (216)	22 (216)
	Loại động cơ		BLDC	BLDC	BLDC
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng	mm (inch)	Ø9,52 (3/8)	Ø9,52 (3/8)	Ø9,52 (3/8)
	Đường kính ống hơi	mm (inch)	Ø15,88 (5/8)	Ø19,05 (3/4)	Ø22,20 (7/8)
	Ống nước ngưng (Đường kính trong)	mm (inch)	25 (1)	25 (1)	25 (1)
Trọng lượng		kg	42,6	73	73
Độ ồn (H / M / L)		dB (A)	38 / 36 / 36	45 / 43 / 43	47 / 45 / 45
Nguồn điện		Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Cáp kết nối	Dây tín hiệu (VCTF-SB)	mm^2 × lõi cáp	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động tùy thuộc vào các điều kiện sau.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ ngoài trời 33°CDB / 28°CWB, Chiều dài ống nối với nhau = 7,5 m/chênh lệch độ cao bằng 0
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ ngoài trời 0°CDB / -2,9°CWB, Chiều dài ống nối với nhau = 7,5 m/chênh lệch độ cao bằng 0
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, vv.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

⚠ THẬN TRỌNG

1. Phạm vi hoạt động (làm lạnh: 5°C ~ 43°C, Sưởi ấm: -5°C ~ 43°C) 2. Nên lắp đặt quạt hút cho phòng kín. 3. Kết nối dàn lạnh

STT	ĐIỀU KIỆN KẾT NỐI	KẾT HỢP THIẾT BỊ
1	Chỉ thiết bị cấp khí tươi được nối với dàn nóng	1) Tổng công suất của thiết bị cấp khí tươi phải bằng 50 ~ 100% công suất của dàn nóng. 2) Số lượng thiết bị cấp khí tươi tối đa là 4 chiếc.
2	Kết nối hỗn hợp giữa dàn lạnh chung và thiết bị cấp khí tươi	1) Tổng công suất của các dàn lạnh (Dàn lạnh tiêu chuẩn + Thiết bị cấp khí tươi) phải bằng 50 ~ 100% công suất của dàn nóng. 2) Tổng công suất của thiết bị cấp khí tươi phải nhỏ hơn 30% tổng công suất của các dàn lạnh.

Phụ kiện

MODEL MÁY	ARNU76GB8Z4	ARNU96GB8Z4
Bơm nước ngưng	○	
Bộ phát hiện rò rỉ môi chất lạnh	PRLDNVS0 (R410a)	
Bộ EEV	-	
Mô-đun nguồn đa nhiệm	PINPMB001	
Robot làm sạch	-	
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)	○	
Bộ tạo ion	-	
Cảm biến CO_2	-	
Bộ thông gió	-	
Bộ nhận tín hiệu hồng ngoại	PWLRVN000	
Điều khiển vùng	-	
Bộ tiếp điểm khô (có phụ kiện bổ sung)	PDRYCB000 (1 tiếp điểm khô), PDRYCB320, PDRYCB400 (2 tiếp điểm), PDRYCB500 (Modbus)	
Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)	○	
Hỗ trợ kết nối Wi-Fi	PWFMDD200	

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng



Tính năng & lợi ích

- Thiết kế hiện đại với hình chữ V và cánh màu đen
- Tốc độ và lưu lượng gió mạnh mẽ có thể đạt tới 15m

Mục đích sử dụng chính

- Bán lẻ
- Nhà hàng
- Cửa hàng

TÍNH NĂNG		DÀN LẠNH ÁP TRẦN
Tính năng thông minh	Kết nối Wi-Fi	○
Làm lạnh & sưởi ấm nhanh	Chế độ Jet Cool làm lạnh nhanh	○
Sự tiện lợi	Chế độ ngủ	○
	Bộ hẹn giờ (Bật/tắt)	○
	Bộ hẹn giờ (hàng tuần)	○
	Điều khiển bằng hai cảm biến nhiệt độ	○
	Điều khiển theo nhóm	○

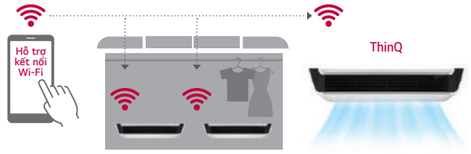
※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng

Điều khiển thông qua Wi-Fi

Truy cập vào máy điều hòa của bạn mọi lúc mọi nơi.

ThinQ

Tìm kiếm "ThinQ" trên Google hoặc App Store để tải xuống ứng dụng.



Dễ dàng đăng ký và đăng nhập

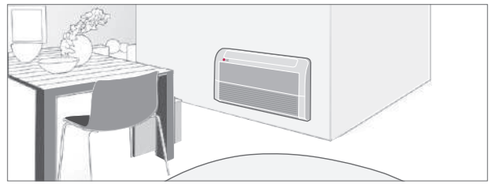
Thực hiện các bước thiết lập để kích hoạt các tính năng ấn tượng của ThinQ.

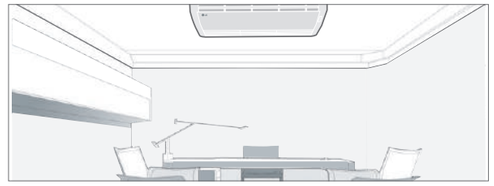


※ Đối với chính sách của chúng tôi về việc liên tục cải tiến ứng dụng ThinQ, thông số kỹ thuật, thiết kế và tính năng có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Lắp đặt linh hoạt

Các model linh hoạt trần và sàn có thể được lắp đặt trên trần hoặc trên sàn.





Cảnh báo thay bộ lọc

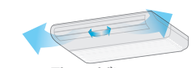
Cảnh báo thay bộ lọc sẽ thông báo cho bạn khi thiết bị đã hoạt động được 2.400 giờ.



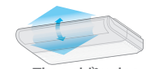
Bộ lọc một chạm — Cảnh báo thay bộ lọc

Điều khiển hướng của lưu lượng gió

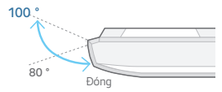
Hướng lưu lượng gió theo chiều dọc có thể được điều chỉnh bằng điều khiển từ xa và hướng lưu lượng gió theo chiều ngang có thể được điều chỉnh bằng tay.



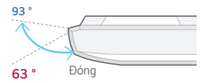
Theo chiều ngang



Theo chiều dọc



Làm lạnh



Sưởi ấm

Thiết kế khác biệt

Thiết kế sang trọng hiện đại với hình chữ V và cánh màu đen phù hợp cho mọi không gian thương mại. Thiết kế này đã nhận được Giải thưởng thiết kế iF.



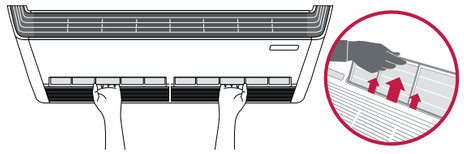
Làm lạnh & sưởi ấm mạnh mẽ

Chế độ trần cao mang đến khả năng làm lạnh và sưởi ấm mạnh mẽ ở độ cao lên tới 4,2m so với sàn, cách trần 15 m.



Bộ lọc một chạm & 2 mảnh

Cấu trúc bộ lọc lắp/tháo dễ dàng, đồng thời bộ lọc hai mảnh được đơn giản hóa, có thể trượt ra ngoài để vệ sinh và bảo trì dễ dàng.



Bộ lọc một chạm

Điều khiển bằng hai cảm biến nhiệt độ

Người dùng có thể mua điều khiển từ xa có dây có cảm biến nhiệt độ thứ hai, cho phép kiểm tra nhiệt độ từ nhiều vị trí.



ARNU18GV1A4 / ARNU24GV1A4
ARNU36GV2A4 / ARNU48GV2A4



MODEL		ĐƠN VỊ	ARNU18GV1A4	ARNU24GV1A4	ARNU36GV2A4	ARNU48GV2A4
Công suất làm lạnh		kW	5,6	7,1	10,6	14,1
		Btu/h	19.100	24.200	36.200	48.100
Công suất sưởi ấm		kW	6,3	8,0	11,9	15,9
		Btu/h	21.500	27.300	40.600	51.200
Điện năng tiêu thụ (H / M / L)		W	23 / 20 / 17	25 / 21 / 17	84 / 77 / 66	91 / 79 / 66
Casing			Tấm thép mạ kẽm + sơn phủ		Tấm thép mạ kẽm + sơn phủ	
Kích thước (Rộng × Cao × Sâu)		mm	1.200 × 235 × 690	1.200 × 235 × 690	1.600 × 235 × 690	1.600 × 235 × 690
Quạt	Loại		Quạt Cross Flow	Quạt Cross Flow	Quạt Cross Flow	Quạt Cross Flow
	Công suất động cơ × Số lượng	W × Số lượng	85,9 × 1	85,9 × 1	125 × 1	125 × 1
	Lưu lượng gió (H / M / L)	m^3/phút	13,5 / 12,5 / 12,0	14,0 / 13,0 / 12,0	27,0 / 24,0 / 20,0	29,0 / 24,0 / 20,0
	Loại động cơ		BLDC	BLDC	BLDC	BLDC
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng	mm (inch)	Ø 6,35 (1/4)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)
	Đường kính ống hơi	mm (inch)	Ø 12,7 (1/2)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)
	Ống nước ngưng (Đường kính trong)	mm (inch)	16 (5/8)	16 (5/8)	16 (5/8)	16 (5/8)
Trọng lượng		kg	29,0	29,0	37,0	37,0
Độ ồn (H / M / L)		dB (A)	36 / 34 / 33	37 / 35 / 33	45 / 44 / 40,5	47 / 44 / 40,5
Nguồn điện		Φ, V, Hz	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60	1, 220~230~240, 50/60
Cáp kết nối	Dây tín hiệu (VCTF-SB)	mm^2 × lõi cáp	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng ~ dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, v.v.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

Phụ kiện

MODEL MÁY	ARNU18GV1A4	ARNU24GV1A4	ARNU36GV2A4	ARNU48GV2A4
Bơm nước ngưng	-			
Bộ phát hiện rò rỉ môi chất lạnh	PRLDNVS0 (R410a)			
Bộ EEV	-			
Mô-đun nguồn đa nhiệm	PINPMB001			
Robot làm sạch	-			
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)	○			
Bộ tạo ion	-			
Cảm biến CO_2	-			
Bộ thông gió	-			
Bộ thu sóng hồng ngoại	-			
Điều khiển vùng	-			
Bộ tiếp điểm khô (có phụ kiện bổ sung)	PDRYCB000 (1 tiếp điểm khô), PDRYCB320, PDRYCB400 (2 tiếp điểm), PDRYCB500 (Modbus)			
Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)	○			
Hỗ trợ kết nối Wi-Fi	PWFMDD200			

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng



Tính năng & lợi ích

• Tốc độ và lưu lượng gió mạnh mẽ khiến luồng không khí có thể đạt cách điều hòa tới 20m

Mục đích sử dụng chính

- Nhà máy
- Bán lẻ
- Cửa hàng
- Văn phòng
- Nhà hàng

TÍNH NĂNG		DÀN LẠNH TỦ ĐỨNG (PAC)
Tính năng thông minh	Hỗ trợ kết nối Wi-Fi*	○
Hiệu suất điện năng	Chế độ Jet Cool làm lạnh nhanh	○
Bảo vệ sức khỏe	Công nghệ ion hóa không khí	-
Làm lạnh & sưởi ấm nhanh	Chế độ Jet Cool làm lạnh nhanh	○
Sự tiện lợi	Chế độ ngủ	○
	Bộ hẹn giờ (Bật/tắt)	○
	Bộ hẹn giờ (hàng tuần)	-
	Điều khiển bằng hai cảm biến nhiệt độ	○
	Điều khiển theo nhóm	○

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
* Cần có thêm module cho Wi-fi (module: PWFMDD200)

Kiểu dáng thời trang

Dàn lạnh tủ đứng mới của LG đã giành giải thưởng thiết kế Red Dot năm 2013, là thiết bị lý tưởng cho nội thất hiện đại trong nhà hoặc văn phòng của bạn.



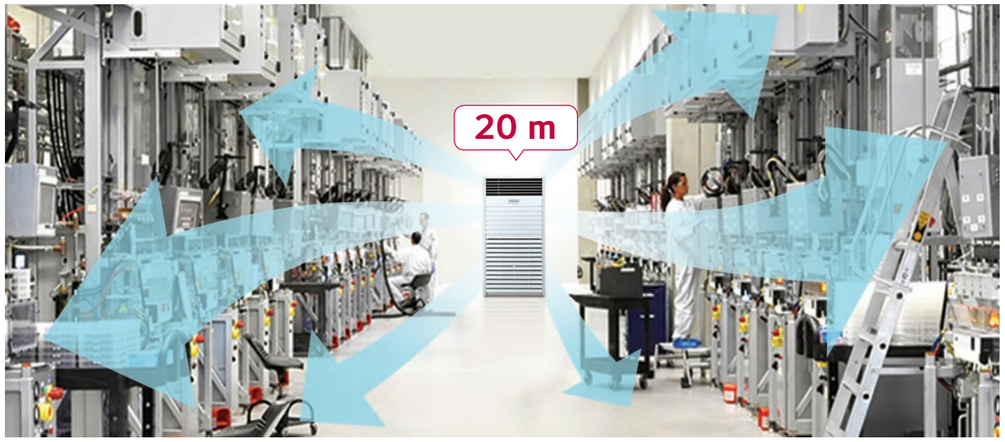
reddot design award
winner 2013





Lưu lượng gió mạnh mẽ

Điều hòa tủ đứng mới của LG hoạt động hiệu quả khi sử dụng ở những khu vực rộng lớn nhờ khả năng làm lạnh và sưởi ấm mạnh mẽ. Tốc độ và lưu lượng gió mạnh mẽ khiến luồng không khí có thể đạt cách điều hòa tới 20m.



ARNU48GPTA4 / ARNU96GPFA4



MODEL		ĐƠN VỊ	ARNU48GPTA4	ARNU96GPFA4
Công suất làm lạnh		kW	14,1	28,0
		Btu/h	48.100	95.900
Công suất sưởi ấm		kW	15,9	31,5
		Btu/h	54.200	107.500
Điện năng tiêu thụ	Làm lạnh (SH / H / M / L)	W	260 / 190 / 140 / 110	400 / 280 / - / 180
	Sưởi ấm (SH / H / M / L)	W	260 / 190 / 140 / 110	400 / 280 / - / 180
Kích thước (Rộng × Cao × Sâu)		mm	590 × 1.840 × 440	1.050 × 1.880 × 495
Quạt	Loại		Quạt Blower	Quạt Blower
	Công suất động cơ × Số lượng	W × Số lượng	224 × 1	700 × 1
	Lưu lượng gió (H / M / L)	m^3/phút	37 / 33 / 28 / 24	68 / 61 / - / 50
	Loại động cơ		BLDC	BLDC
Kích thước ống	Đường kính ống lỏng	mm (inch)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)
	Đường kính ống hơi	mm (inch)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 22,2 (7/8)
	Ống nước ngưng (Đường kính trong)	mm (inch)	19 (3/4)	22 (7/8)
Trọng lượng		kg (lbs)	49 (108)	104 (227)
Độ ồn (SH / H / M / L)		dB (A)	54 / 51 / 49 / 45	60 / 57 / - / 53
Nguồn điện		Φ, V, Hz	1, 220~240, 50/60	1, 220~240, 50/60
Cáp kết nối	Dây tín hiệu (VCTF-SB)	mm^2 × lõi cáp	1,0~1,5 × 2C	1,0~1,5 × 2C

Ghi chú:
1. Do chính sách đổi mới của chúng tôi, một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo.
2. Kích thước cáp nối dây phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia. Và cần xem chương "Đặc tính điện" cho công trình và thiết kế điện. Đặc biệt phải lựa chọn cáp nguồn và cầu dao phù hợp.
3. Mức độ ồn áp suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng tiêu âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức độ ồn công suất được đo ở điều kiện danh định trong phòng bán âm theo tiêu chuẩn ISO 9614. Do đó, các giá trị này có thể tăng lên do điều kiện môi trường xung quanh trong quá trình vận hành.
4. Công suất hoạt động là công suất thuần tùy thuộc vào các điều kiện sau. Tham khảo thông số kỹ thuật của dàn nóng để tính toán công suất thực tế.
   - Làm lạnh: Nhiệt độ môi trường trong nhà 27°CDB / 19°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 35°CDB / 24°CWB
   - Sưởi ấm: Nhiệt độ môi trường trong nhà 20°CDB / 15°CWB, Nhiệt độ môi trường ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
   - Ống nối với nhau có chiều dài tiêu chuẩn và chênh lệch độ cao (dàn nóng ~ dàn lạnh) bằng 0.
5. Thông tin về môi chất lạnh (loại, lượng nạp bổ sung, vv.) phải được áp dụng theo loại môi chất lạnh của tổ hợp dàn nóng. Thích ứng sau khi kiểm tra thông số kỹ thuật của dàn nóng.

GHI CHÚ

VENTILATION SOLUTIONS

THIẾT BỊ THÔNG GIÓ THU HỒI NHIỆT (ERV)

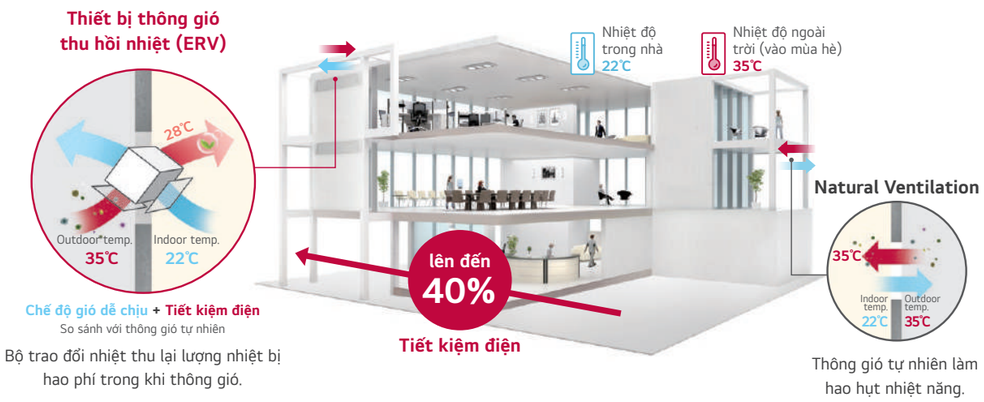
ERV DX COIL

ERV DÂN DỤNG





Sự cần thiết của ERV

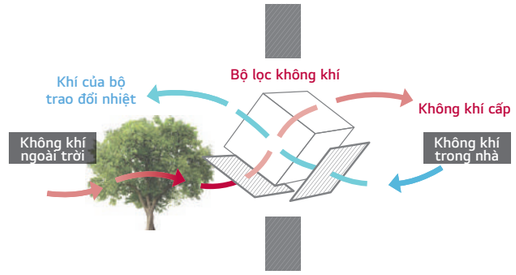


Bộ trao đổi nhiệt thu lại lượng nhiệt bị hao phí trong khi thông gió.

Thông gió tự nhiên làm hao hụt nhiệt năng.

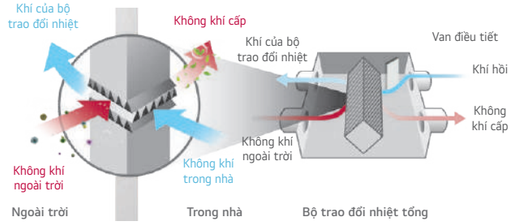
Bộ trao đổi nhiệt hiệu suất cao

Để có được hiệu suất cao và cảm giác dễ chịu, bộ phận trung tâm thu hồi nhiệt hiệu suất cao sẽ thu hồi nhiệt từ không khí trong nhà thoát ra ngoài và chuyển lượng nhiệt này sang lượng không khí trong lành đi vào mà không trộn lẫn luồng không khí.



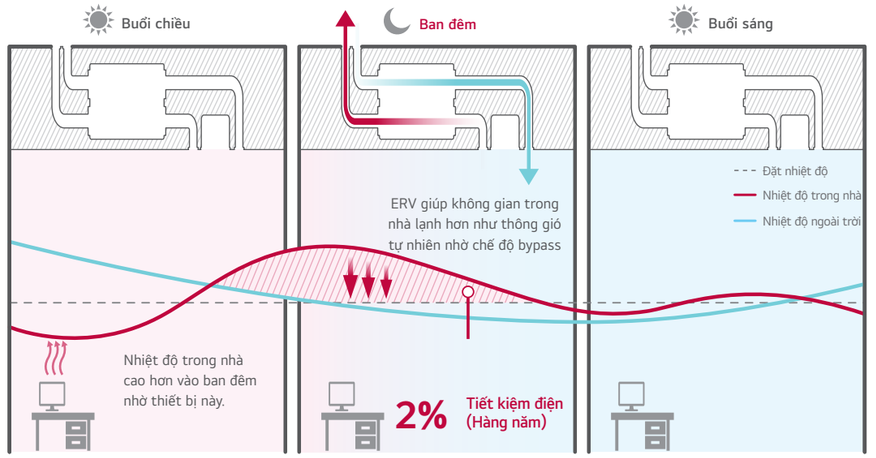
Hệ thống trao đổi gió trực tiếp

Hệ thống xả sử dụng quạt ly tâm Sirocco có độ tĩnh điện cao để loại bỏ không khí cũ trong nhà. Luồng khí cấp và khí thải được tách biệt hoàn toàn trong bộ trao đổi nhiệt, cho phép thiết bị thông gió thu hồi nhiệt ERV của LG lọc các hạt trước khi cấp không khí ngoài trời để đảm bảo không khí trong nhà luôn tươi mát và trong lành.



Làm lạnh tự nhiên vào ban đêm

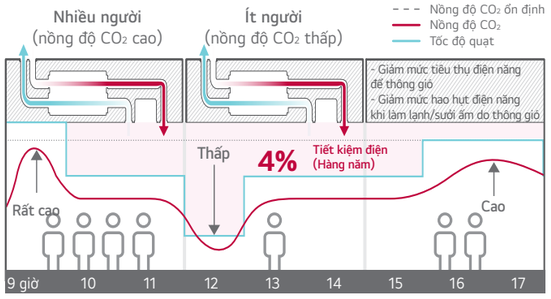
Vào những đêm mùa hè, nhiệt trong nhà có thể được thoát ra ngoài và không khí mát mẻ ngoài trời có thể được đưa vào trong nhà để tiết kiệm điện.



※ Chức năng này hoạt động với chế độ 'Làm lạnh tự nhiên vào ban đêm' bằng điều khiển từ xa. (chỉ áp dụng với MULTI V)
※ Chế độ tiết kiệm điện có thể thay đổi theo điều kiện thời tiết.
※ Điều kiện thử nghiệm
- Văn phòng (49.000 ft²) / Số người: 30 / Khu vực: Luân Đôn, Vương quốc Anh
- Kết hợp thiết bị ERV (1000 CMH) + MULTI V 4 (12 HP)
- Các điều kiện khác phải tuân thủ Phương pháp đánh giá, xếp hạng và chứng nhận tính bền vững của các toà nhà (BREEAM).

Hoạt động tự động theo mức CO_2

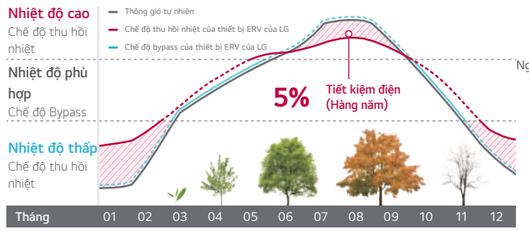
Thiết bị ERV của LG làm giảm hao hụt nhiệt năng nhờ điều khiển tốc độ quạt tự động theo nồng độ CO_2.

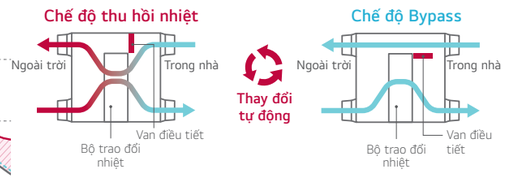


※ Chức năng này hoạt động với chế độ 'Làm lạnh tự nhiên vào ban đêm' bằng điều khiển từ xa. (chỉ áp dụng với MULTI V)
※ Chế độ tiết kiệm điện có thể thay đổi theo điều kiện thời tiết.
※ Điều kiện thử nghiệm:
- Văn phòng (49.000 ft²) / Số người: 30 / Khu vực: Luân Đôn, Vương quốc Anh
- Kết hợp thiết bị ERV (1000 CMH) + MULTI V 4 (12 HP)
- Các điều kiện khác phải tuân thủ Phương pháp đánh giá, xếp hạng và chứng nhận tính bền vững của các toà nhà (BREEAM)

Hoạt động tự động theo mùa

Thiết bị ERV của LG cảm nhận nhiệt độ ngoài trời và hoạt động tự động theo điều kiện thời tiết.

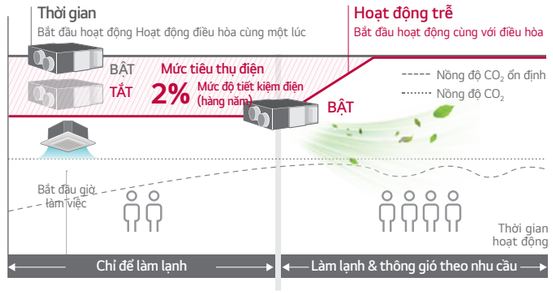




※ Chức năng này được hoạt động với chế độ "Tự động" bằng điều khiển từ xa có dây.
※ Chế độ tiết kiệm điện có thể thay đổi theo điều kiện thời tiết.
※ Điều kiện thử nghiệm:
- Văn phòng (49.000 ft²) / Số người: 30 / Khu vực: Luân Đôn, Vương quốc Anh
- Kết hợp thiết bị ERV (1000 CMH) + MULTI V 4 (12 HP)
- Các điều kiện khác phải tuân thủ Phương pháp đánh giá, xếp hạng và chứng nhận tính bền vững của các toà nhà (BREEAM)

Hoạt động trễ

Khi bật đồng thời điều hòa và thiết bị ERV, hoạt động trễ có thể làm giảm thất thoát lượng nhiệt không cần thiết khi làm lạnh và sưởi ấm bằng cách làm chậm hoạt động tự động của thiết bị ERV.



※ Chức năng này hoạt động với chế độ 'Làm lạnh tự nhiên vào ban đêm' bằng điều khiển từ xa. (chỉ áp dụng với MULTI V)
※ Chế độ tiết kiệm điện có thể thay đổi theo điều kiện thời tiết.
※ Điều kiện thử nghiệm: - Văn phòng (49.000 ft²) / Số người: 30
/ Khu vực: Luân Đôn, Vương quốc Anh
- Kết hợp thiết bị ERV (1000 CMH) + MULTI V 4 (12 HP)
- Các điều kiện khác phải tuân thủ Phương pháp đánh giá, xếp hạng và chứng nhận tính bền vững của các toà nhà (BREEAM)

Giám sát nồng độ CO_2

Cảm biến CO_2 sẽ cảm nhận được nồng độ CO_2 có trong phòng. Người dùng có thể giám sát nồng độ CO_2 trên điều khiển từ xa có dây mới và thiết bị ERV điều khiển tốc độ quạt tự động theo nồng độ CO_2.

Trực quan hóa nồng độ CO_2

Cảm biến CO_2 sẽ cảm nhận được nồng độ CO_2 trong nhà và hiển thị nồng độ này trên điều khiển từ xa có dây.



Màn hình chính

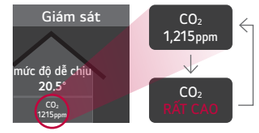
Nếu nồng độ CO_2 trong phòng cao hơn 900ppm, đèn sẽ sáng đỏ.



※ Hình ảnh trên màn hình của điều khiển từ xa có thể thay đổi.
※ Chỉ áp dụng cho Tiêu chuẩn III, điều khiển từ xa cao cấp.

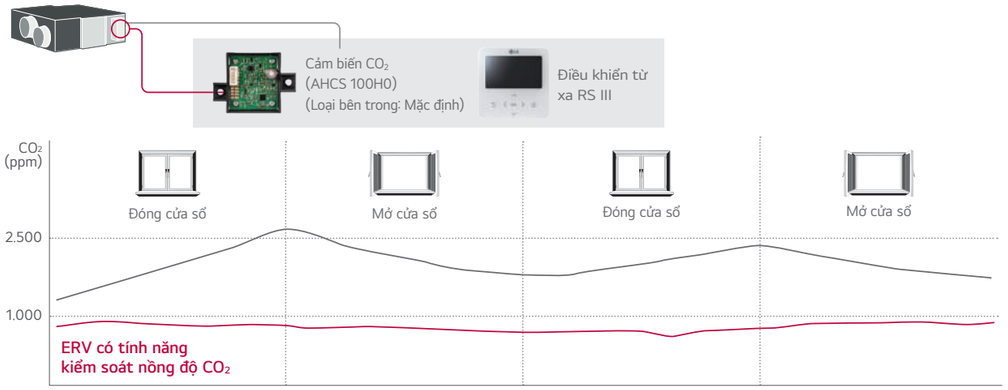
Thông tin khác

Nồng độ CO_2 và tình trạng phòng được hiển thị liên tục.



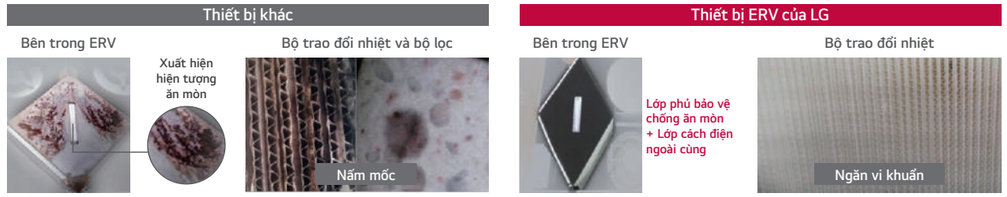
Kiểm soát nồng độ CO_2

Bằng việc sử dụng cảm biến CO_2, thiết bị ERV của LG sẽ tự động kiểm soát lưu lượng gió thải để giữ không khí trong nhà luôn trong lành với nồng độ CO_2 ổn định.



Độ bền cao

Không có bộ phận chuyển động bên trong bộ trao đổi nhiệt do đó thiết bị có độ bền và độ tin cậy cao hơn. Bộ trao đổi nhiệt được làm bằng màng giấy mỏng đặc biệt có khả năng chống vi khuẩn, ngăn chặn sự phát triển của vi khuẩn có hại và được xử lý chống cháy để đảm bảo an toàn cháy nổ.



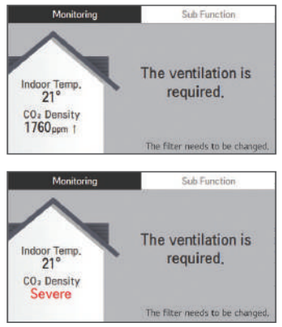
Điều khiển dễ dàng

Điều khiển từ xa có dây rất dễ sử dụng.



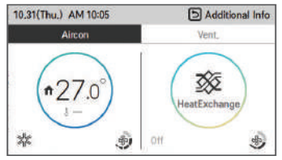
Dễ dàng

- Các nút điều hướng, dễ sử dụng
- Thiết lập lắp đặt dễ dàng



Màn hình hiển thị

- Nồng độ CO_2 trong nhà
- Cảnh báo thay bộ lọc/Thời gian còn lại để thay bộ lọc



Thuận tiện

- Màn hình linh hoạt
- Điều hòa không khí có màn hình kép
- Thu phóng thư mục đã chọn để nhìn rõ hơn

Điều khiển theo nhóm

1 điều khiển từ xa có dây có thể sử dụng cho tối đa 16 thiết bị ERV (bao gồm cả điều hòa không khí). Điều này rất thuận tiện cho những không gian chung rộng rãi như hành lang.

Kết hợp các thiết bị

Chỉ cần 1 chiếc điều khiển từ xa để thực hiện điều khiển theo nhóm 16 thiết bị.

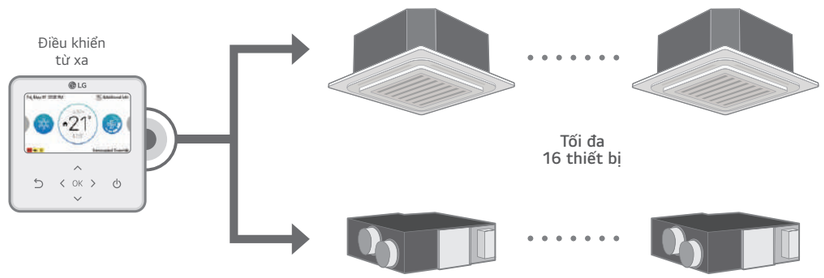


Không gian bên trong đẹp hơn

Công nghệ thông thường | Công nghệ mới

Tiết kiệm chi phí cho điều khiển & lắp đặt

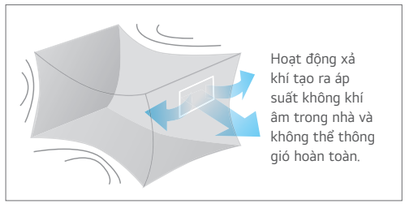
Liên động với hệ thống điều hòa không khí



Chế độ thông gió nhanh

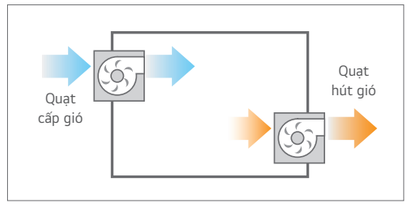
Chế độ thông gió nhanh ngăn ngừa sự lây lan của chất gây ô nhiễm dưới áp suất âm trong nhà và giúp không khí trong lành và dễ chịu một cách nhanh chóng.

Chỉ xả khí



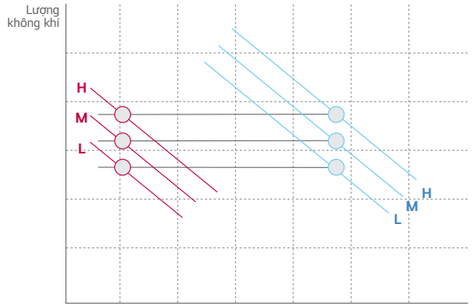
Xả và cấp khí đồng thời

Chế độ thông gió nhanh



Điều khiển bằng áp suất tĩnh ngoài

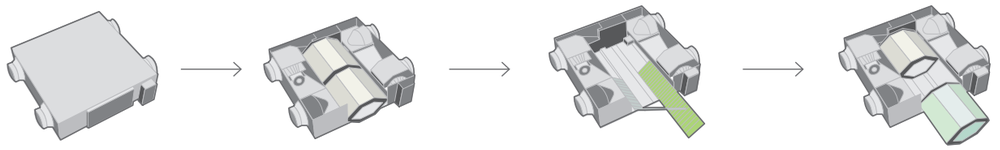
Quạt áp suất tĩnh cao có thể điều khiển lượng khí tùy thuộc vào chiều dài ống gió. Cũng rất dễ dàng để điều khiển mức áp suất sử dụng điều khiển từ xa để lắp đặt ống gió linh hoạt hơn và dễ dàng thử nghiệm hơn.



Áp suất tĩnh ngoài (mmAq)

Vệ sinh và thay bộ lọc dễ dàng

Có thể dễ dàng thay và vệ sinh bộ lọc.



Thiết bị ERV → Tháo tấm cạnh → Thay bộ lọc → Tháo bộ trao đổi nhiệt

LZ-H025GBA4 / LZ-H035GBA5



MODEL			ĐƠN VỊ	LZ-H025GBA4	LZ-H035GBA5
Kích thước (Rộng × Cao × Sâu)			mm	988 × 273 × 1.014	
Trọng lượng			kg	44	
Nguồn cấp			Φ, V, Hz	1, 220~240, 50	
Lưu lượng gió thông thường			m^3/h	250	350
Chế độ ERV	Cấp hoạt động			Cao / Trung bình / Thấp	
	Dòng điện	Cao / Trung bình / Thấp	A	0,70 / 0,60 / 0,42	1,05 / 0,90 / 0,50
	Điện năng tiêu thụ	Cao / Trung bình / Thấp	W	97 / 87 /52	150 / 125 / 60
	Lưu lượng gió	Cao / Trung bình / Thấp	m^3/h	250 / 250 / 150	350 / 350 / 210
	Áp suất tĩnh ngoài	Cao / Trung bình / Thấp	Pa	100 / 70 / 50	150 / 100 / 50
	Hiệu suất trao đổi nhiệt	Cao / Trung bình / Thấp	%	80 / 80 / 83	80 / 80 / 82
	Hiệu suất trao đổi Enthalpy	Sưởi ấm (Cao / Trung bình / Thấp)	%	70 / 70 / 72	75 / 75 / 80
		Làm lạnh (Cao / Trung bình / Thấp)	%	66 / 66 / 68	71 / 71 / 75
	Nhãn năng lượng	Xếp hạng từ A+ đến G		A	B
	Độ ồn	Cao / Trung bình / Thấp	dB (A)	29 / 28/ 24	35 / 32 / 26
Chế độ Bypass	Cấp hoạt động			Cao / Trung bình / Thấp	
	Dòng điện	Cao / Trung bình / Thấp	A	0,70 / 0,60 / 0,42	1,05 / 0,90 / 0,50
	Điện năng tiêu thụ	Cao / Trung bình / Thấp	W	97 / 87 /52	150 / 125 / 60
	Lưu lượng gió	Cao / Trung bình / Thấp	m^3/h	250 / 250 / 150	350 / 350 / 210
	Áp suất tĩnh ngoài	Cao / Trung bình / Thấp	Pa	100 / 70 / 50	150 / 100 / 50
	Độ ồn	Cao / Trung bình / Thấp	dB (A)	29 / 29/ 25	35 / 33 / 26
Ống gió		Số lượng	EA	4	
		Kích cỡ (Ø)	mm	Ø 200	
Quạt cấp gió		Số lượng	EA	1	
		Loại		Truyền động trực tiếp bằng quạt ly tâm Sirocco	
Quạt hút gió		Số lượng	EA	1	
		Loại		Truyền động trực tiếp bằng quạt ly tâm Sirocco	
Bộ lọc		Số lượng	EA	2	
		Loại		Vải dạng sợi có thể làm sạch	
		Kích thước (Rộng × Cao × Sâu)	mm	855 × 10 × 166	

Ghi chú:
1. Chế độ ERV: Chế độ thông gió thu hồi nhiệt toàn bộ
2. Xem bản vẽ mô hình.
3. Độ ồn:
   - Các điều kiện hoạt động được giả định là điều kiện tiêu chuẩn
   - Âm thanh đo được ở độ sâu 1,5 m phía dưới phần chính giữa của phần chính thiết bị.
   - Mức độ ồn sẽ thay đổi tùy thuộc vào nhiều yếu tố như kết cấu (hệ số hấp thụ âm thanh) của phòng cụ thể nơi thiết bị được lắp đặt.
   - Mức độ ồn ở cổng xả khí khoảng 8 dB (A), cao hơn mức âm thanh khi thiết bị đang hoạt động.
4. Nhiệt độ và hiệu suất trao đổi Entanpy khi làm lạnh nhiệt độ trong nhà: 26,5°C DB, 64,5% RH, Nhiệt độ ngoài trời: 34,5°C DB, 75% RH
5. Nhiệt độ và hiệu suất trao đổi Entanpy khi sưởi ấm nhiệt độ trong nhà: 20,5°C DB, 59,5% RH, Nhiệt độ ngoài trời: 5°C DB, 65% RH
6. Hiệu suất trao đổi nhiệt đã được thử nghiệm ở điều kiện sưởi ấm.

Phụ kiện

MODEL MÁY	LZ-H025GBA4	LZ-H035GBA5
Bơm nước ngưng	-	
Vỏ dàn lạnh cassette	-	
Bộ phát hiện rò rỉ môi chất lạnh	-	
Bộ EEV	-	
Mô-đun nguồn đa nhiệm	-	
Robot làm sạch	-	
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)	-	
Bộ tạo ion	-	
Cảm biến CO_2	○	
Bộ thông gió	-	
Bộ thu sóng hồng ngoại	-	
Điều khiển vùng	-	
Bộ tiếp điểm khô (có phụ kiện bổ sung)	PDRYCB000 (1 tiếp điểm khô), PDRYCB500 (Modbus)	
Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)	-	
Hỗ trợ kết nối Wi-Fi	-	

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng

ZE050GUCCA0 / ZE080GUCDA0 / ZE100GUCDA0



MODEL				ĐƠN VỊ	ZE050GUCCA0	ZE080GUCDA0	ZE100GUCDA0
Kích thước	Rộng × Cao × Sâu			mm	1014 × 273 × 988	1062 × 365 × 1240	1062 × 365 × 1240
Trọng lượng	Thân máy			kg	41.7	54.4	54.4
Nguồn điện				Φ, V, Hz	1, 220~240, 50	1, 220~240, 50	1, 220~240, 50
Lưu lượng gió thông thường				m^3/h	500	800	1,000
Chế độ trao đổi nhiệt	Cấp hoạt động					Cao / Trung bình / Thấp	
	Dòng điện	Cao / Trung bình / Thấp		A	1.7 / 1.2 / 0.8	2.2 / 1.4 / 0.8	3.0 / 1.9 / 1.0
	Điện năng tiêu thụ	Cao / Trung bình / Thấp		W	250 / 160 / 105	330 / 200 / 100	475 / 280 / 140
	Lưu lượng gió	Cao / Trung bình / Thấp		m^3/h	500 / 400 / 300	800 / 640 / 480	1000 / 800 / 600
	Áp suất tĩnh ngoài	Cao / Trung bình / Thấp		Pa	150 / 96 / 54	160 / 102 / 57	160 / 102 / 57
	Hiệu suất trao đổi nhiệt		Làm lạnh (Cao / Trung bình / Thấp)	%	79 / 79 / 82	77 / 79 / 82	74 / 75 / 77
			Sưởi ấm (Cao / Trung bình / Thấp)	%	78	75	73
	Hiệu suất trao đổi Enthalpy				79 / 79 / 82	77 / 79 / 82	74 / 75 / 77
			Làm lạnh (Cao / Trung bình / Thấp)	%	68 / 68 / 75	68 / 70 / 73	63 / 67 / 71
			Sưởi ấm (Cao / Trung bình / Thấp)	%	75 / 75 / 78	73 / 76 / 79	72 / 73 / 74
Độ ồn		Cao / Trung bình / Thấp		dB (A)	39 / 34 / 29	39 / 34 / 28	40 / 36 / 29
Ống gió		Số lượng		EA	4	4	4
		Kích thước (Ø)		mm	Ø 200	Ø 250	Ø 250
Quạt cấp gió		Số lượng		EA	1	1	1
		Loại			Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco
Quạt hút gió		Số lượng		EA	1	1	1
		Loại			Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco	Quạt ly tâm Sirocco
Bộ lọc		Số lượng		EA	F7: 2, M5: 2, Pre: 1	F7: 2, M5: 2, Pre: 1	F7: a, M5: 2, Pre: 1
		Loại			OA: Pre/F7, RA: M5	OA: Pre/F7, RA: M5	OA: Pre/F7, RA: M5
		Kích thước (Rộng x Cao x Sâu)		mm	Pre: 855 × 6 × 233 M5/F7: 425 × 16 × 230	Pre: 1156 × 6 × 212.5 M5/F7: 578 × 21 × 213	Pre: 1156 × 6 × 212.5 M5/F7: 578 × 21 × 213
Dãy hoạt động		Nhiệt độ ngoài trời		℃	-10 ~ 40	-10 ~ 40	-10 ~ 40
		Độ ẩm		%RH	20 ~ 80	20 ~ 80	20 ~ 80

Ghi chú:
1. Chế độ ERV: Chế độ thông gió thu hồi nhiệt toàn bộ
2. Xem bản vẽ mô hình.
3. Độ ồn:
   - Các điều kiện hoạt động được giả định là điều kiện tiêu chuẩn
   - Âm thanh đo được ở độ sâu 1,5 m phía dưới phần chính giữa của phần chính thiết bị.
   - Mức âm thanh sẽ thay đổi tùy thuộc vào nhiều yếu tố như kết cấu (hệ số hấp thụ âm thanh) của phòng cụ thể nơi thiết bị được lắp đặt.
   - Mức âm thanh ở cổng xả khí khoảng 8 dB (A), cao hơn mức âm thanh khi thiết bị đang hoạt động.
4. Nhiệt độ và hiệu suất trao đổi Entanpy khi làm lạnh nhiệt độ trong nhà: 26,5°C DB, 64,5% RH, Nhiệt độ ngoài trời: 34,5°C DB, 75% RH
5. Nhiệt độ và hiệu suất trao đổi Entanpy khi sưởi ấm nhiệt độ trong nhà: 20,5°C DB, 59,5% RH, Nhiệt độ ngoài trời: 5°C DB, 65% RH
6. Hiệu suất trao đổi nhiệt đã được thử nghiệm ở điều kiện sưởi ấm.

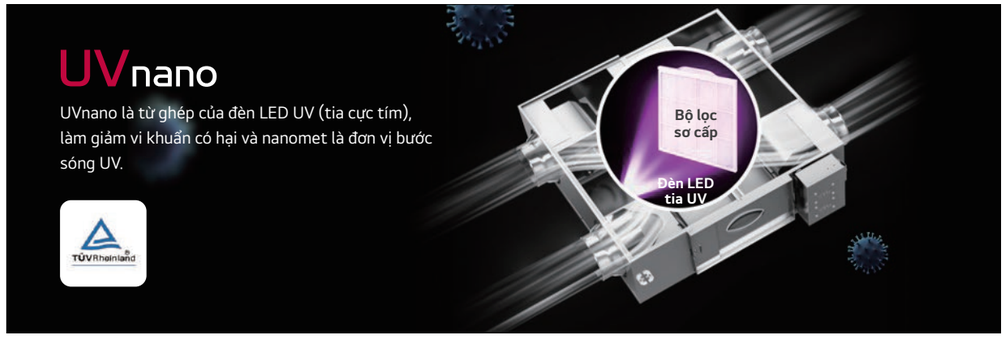
Phụ kiện

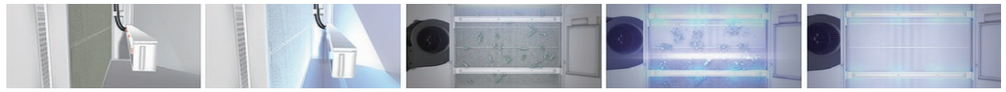
MODEL MÁY	ZE050GUCCA0	ZE080GUCDA0	ZE100GUCDA0
Bơm nước ngưng	-		
Vỏ dàn lạnh cassette	-		
Bộ phát hiện rò rỉ môi chất lạnh	-		
Bộ EEV	-		
Mô-đun nguồn đa nhiệm	-		
Robot làm sạch	-		
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)	-		
Bộ tạo ion	-		
Cảm biến CO_2	○		
Bộ thông gió	-		
Bộ thu sóng hồng ngoại	-		
Điều khiển vùng	-		
Bộ tiếp điểm khô (có phụ kiện bổ sung)	PDRYCB000 (1 tiếp điểm khô), PDRYCB500 (Modbus)		
Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)	-		
Hỗ trợ kết nối Wi-Fi	-		

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng

Cung cấp khí sạch

Loại bỏ tới 99,99% các hạt có hại trên bộ lọc sơ cấp bằng tia UVnano





Ứng dụng công nghệ UVNano

Giúp ngăn chặn 99,99% vi khuẩn và vi rút phát triển

Dễ dàng bảo trì bộ lọc

Với nút một chạm, người dùng có thể mở cửa tiếp cận ở phía dưới thiết bị, kéo bộ trao đổi nhiệt xuống để thay bộ lọc. Thật dễ dàng và đơn giản mà không cần bất kỳ công cụ bổ sung nào.



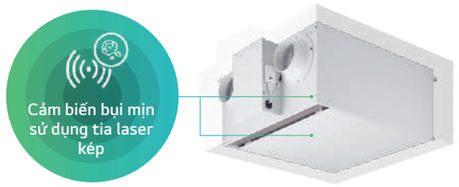
Sau khi nhấn nút một chạm, hãy tháo các móc an toàn giữ cửa để cửa không thể mở hoàn toàn.

Giữ tay cầm bộ lọc và kéo xuống.

Kiểm soát thông minh

① Cảm biến bụi mịn sử dụng tia laser kép

Hai cảm biến bụi mịn kiểm soát không khí đi vào và không khí được cung cấp vào phòng theo thời gian thực để đảm bảo luôn cung cấp không khí sạch.



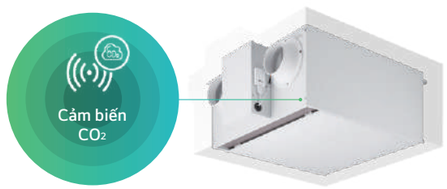
Khi nồng độ bụi đo được trong không khí cấp vào phòng cao hơn giá trị đặt trước, một thông báo hoặc tin nhắn văn bản sẽ được gửi đi để thay thế bộ lọc.

* Không bắt buộc phải có modem Wi-Fi.



② Theo dõi nồng độ CO_2

Cảm biến CO_2 được lắp sẵn để theo dõi nồng độ carbon dioxide trong phòng theo thời gian thực và tự động kiểm soát tốc độ thông gió.



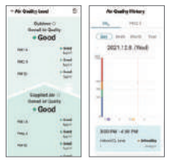
Cảm biến CO_2 theo dõi nồng độ CO_2 trong phòng, làm tăng tốc độ thông gió. Khi nồng độ carbon dioxide cao và tự động giảm tốc độ thông gió. nếu nồng độ CO_2 thấp.

* Không bắt buộc phải có modem Wi-Fi.

* Cảm biến CO_2 được lắp sẵn.



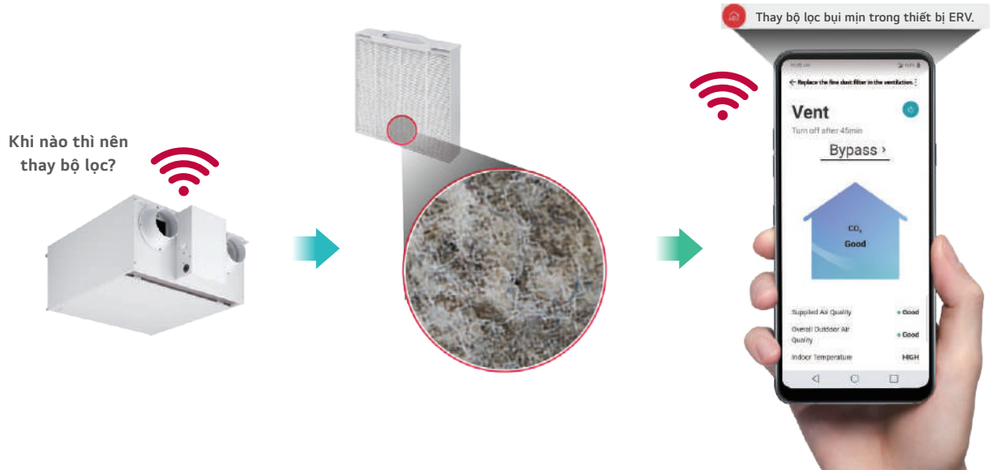
③ Kiểm soát ERV mọi lúc, mọi nơi

Điều khiển từ xa có dây	Thiết bị di động	Khả năng tương thích với bên thứ ba
		
- Nồng độ CO_2 trong nhà - Nồng độ bụi trong không khí cấp - Nồng độ bụi trong không khí ngoài trời	Kiểm tra và điều khiển máy điều hòa không khí trong nhà Mọi lúc mọi nơi	Với tiếp điểm khô được kết nối, Giao thức Modbus khả dụng.

* Để sử dụng tấm ốp tường của bên thứ 3, vui lòng liên hệ với kỹ sư bán hàng.

④ Cảnh báo bảo trì bộ lọc

Thông báo thay thế bộ lọc và tin nhắn văn bản được gửi khi nồng độ bụi mịn cao hơn điểm đặt trước.



LZ-H015GBA6 / LZ-H020GBA6



MODEL			ĐƠN VỊ	LZ-H015GBA6	LZ-H020GBA6
Kích thước (Rộng × Cao × Sâu)			mm	640 × 320 × 640	640 × 320 × 640
Trọng lượng			kg	23	23
Nguồn cấp			Φ, V, Hz	1, 220~240, 50/60	1, 220~240, 50/60
Chế độ ERV	Cấp hoạt động			SH / H / L	SH / H / L
	Dòng điện	SH / H / L	A	0,43 / 0,38 / 0,23	0,59 / 0,51 / 0,26
	Điện năng tiêu thụ	SH / H / L	W	56 / 49 / 26	79 / 71 / 30
	Lưu lượng gió	SH / H / L	m³/h	150 / 150 / 80	200 / 200 / 100
	Áp suất tĩnh ngoài	SH / H / L	Pa	100 / 70 / 50	100 / 70 / 50
	Hiệu suất trao đổi nhiệt	Sưởi ấm (SH / H / L) (ErP)	%	85	82
		Sưởi ấm (SH / H / L) (JIS)	%	80 / 80 / 84	78 / 78 / 82
		Làm lạnh (SH / H / L) (JIS)	%	74 / 74 / 83	70 / 70/ 81
	Hiệu suất trao đổi Enthalpy	Sưởi ấm (SH / H / L) (JIS)	%	79 / 79 / 83	75 / 75 / 81
		Làm lạnh (SH / H / L) (JIS)	%	74 / 74 / 80	68 / 68 / 76
	Nhãn năng lượng	Xếp hạng từ A+ đến G		A	A
	Độ ồn	SH / H / L	dB (A)	28 / 26 / 21	30 / 28 / 22
Chế độ Bypass	Dòng điện	SH / H / L	A	0,45 / 0,40 / 0,26	0,60 / 0,52 / 0,29
	Điện năng tiêu thụ	SH / H / L	W	63 / 53 / 31	84 / 73 / 35
	Lưu lượng gió	SH / H / L	m³/h	150 / 150 / 80	200 / 200 / 100
	Áp suất tĩnh ngoài	SH / H / L	Pa	100 / 70 / 50	100 / 70 / 50
Phạm vi hoạt động	Nhiệt độ không khí ngoài trời / Độ ẩm tương đối		°C /%	-10 ~ 40 / 20 ~ 80	-10 ~ 40 / 20 ~ 80
Ống gió	Số lượng		EA	4	4
	Kích cỡ (Ø)		mm	125	125
Động cơ quạt	Quạt cấp gió		vòng/phút	1,850 / 1,710 / 1.300	2,050 / 1,910 / 1.400
	Quạt hút gió		vòng/phút	1,750 / 1.600 / 1.250	1,910 / 1,770 / 1,320
	Tối đa		vòng/phút	2.100	2100
	Tối thiểu		vòng/phút	1.000	1.000
Bộ lọc	Cấp(1)		-	ePM1 95%	ePM1 95%
	Kích cỡ (Rộng × Cao × Sâu)		mm	278 × 276 × 50	278 × 276 × 50

Ghi chú:
1. Điều kiện thử nghiệm công suất làm lạnh - Nhiệt độ trong nhà: 27°C DB, 19°C WB / Nhiệt độ ngoài trời: 35°C DB
2. Điều kiện thử nghiệm công suất sưởi ấm - Nhiệt độ trong nhà: 20°C DB / Nhiệt độ ngoài trời: 7°C DB, 6°C WB
3. Công suất tạo ẩm dựa trên các điều kiện sau - Nhiệt độ trong nhà: 20°C DB, 15°C WB / Nhiệt độ ngoài trời: 7°C DB, 6°C WB
4. Công suất làm lạnh và sưởi ấm tùy thuộc vào các điều kiện sau. : Quạt dựa trên tốc độ cao và rất cao.
5. Mức độ ồn hoạt động đo được tại điểm cách phần chính giữa của thiết bị 1,5 m sẽ được chuyển đổi thành độ ồn đo được tại buồng không có âm vang.
6. Các thông số kỹ thuật, kiểu dáng và thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Phụ kiện

MODEL MÁY	LZ-H015GBA6	LZ-H020GBA6
Cảm biến CO_2	Được lắp sẵn	
Tia UVnano	Được lắp sẵn	
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)	Được lắp sẵn	
Cảm biến bụi mịn sử dụng tia laser kép	Được lắp sẵn	
Điều khiển từ xa (PREMTB101 / PREMTBB11)	○	
Modem Wi-Fi (PWFMDD200)	○	

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng

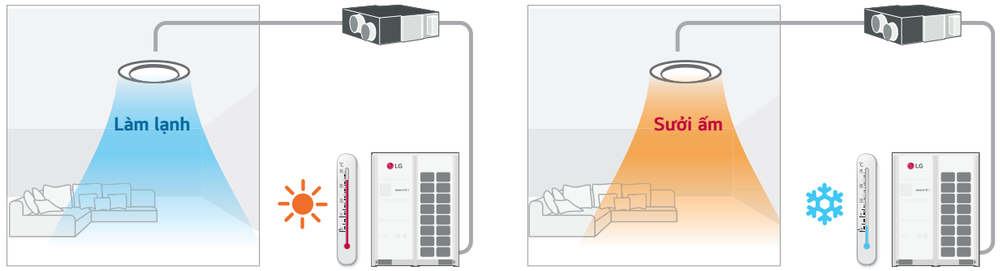
Chức năng

MODEL		LZ-H015GBA6	LZ-H020GBA6
Lọc không khí	Tia UVnano	○	○
	Bộ lọc sơ cấp	○	○
	Bộ lọc bụi mịn (ePM1 95%)	○	○
Độ tin cậy	Tự chẩn đoán lỗi	○	○
Thuận tiện	Chế độ tự động khởi động lại	○	○
	Khóa trẻ em*	○	○
	Chế độ cưỡng bức	○	○
	Điều khiển theo nhóm*	○	○
	Bảo quản bật/tắt	○	○
	Kế hoạch*	○	○
	Hoạt động làm lạnh im lặng ban đêm	○	○
	Hoạt động trễ	○	○
	Hoạt động tùy chỉnh theo lưu lượng gió	○	○
	Hoạt động tùy chỉnh theo mùa	○	○
	Hoạt động tự động theo mùa	○	○
Lắp đặt	Điều khiển E.S.P.*	○	○
ETC	Điều khiển trung tâm (LGAP)	○	○
	Cảnh báo thay bộ lọc	○	○
	Cảm biến CO_2	○	○
	Hỗ trợ kết nối Wi-Fi	Phụ kiện	Phụ kiện

Ghi chú:
1. O : Áp dụng, - : Không áp dụng
   Phụ kiện : Đặt hàng và mua riêng gói phụ kiện theo tên model được cung cấp và lắp đặt tại hiện trường.
   Các dòng phụ kiện thay đổi theo khu vực, vì vậy hãy kiểm tra danh mục sản phẩm địa phương hoặc tài liệu bán hàng tại địa phương của bạn.
2. Một vài chức năng có thể được giới hạn bằng điều khiển từ xa.
3. * : Cần kết nối với điều khiển từ xa có dây để sử dụng những chức năng này.

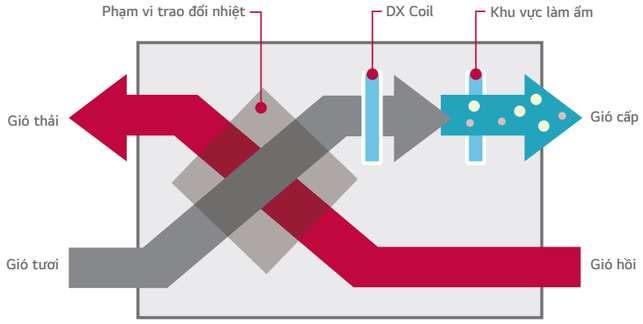
Cung cấp không khí trong lành, mát mẻ và ấm áp

Trong suốt mùa hè, thiết bị ERV DX Coil có thể biến không khí ấm áp ngoài trời thành không khí mát mẻ trong nhà và có thể ngăn gió lạnh vào mùa đông bằng cách cung cấp không khí ấm áp.



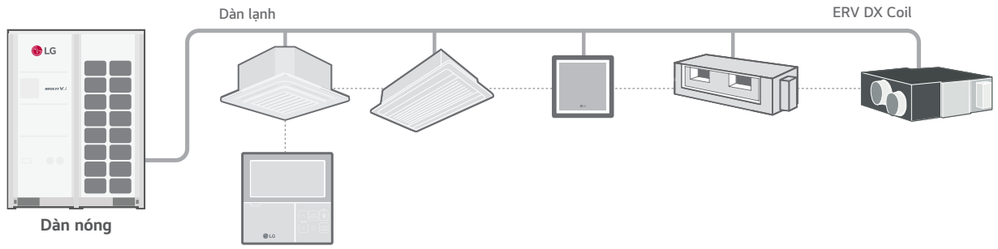
Giải pháp điều hòa không khí tổng thể

Thiết bị ERV DX Coil của LG có thể được sử dụng như một giải pháp điều hòa không khí tổng thể. Thiết bị có thể điều khiển tình trạng không khí đi vào bằng DX Coil và máy tạo độ ẩm để tạo ra không khí dễ chịu trong nhà. Vào mùa hè, thiết bị ERV DX Coil của LG điều hòa không khí trong nhà bằng cách làm lạnh và hút ẩm không khí đi vào. Vào mùa đông, không khí ấm áp được cung cấp bằng cách sưởi ấm và hút ẩm không khí đi vào.



Liên động với MULTI V

Thiết bị ERV DX Coil thuộc sở hữu của LG có thể được khóa liên động với MULTI V. DX Coil có thể được điều khiển riêng bằng điều khiển từ xa có dây được kết nối với dàn lạnh MULTI V.



LZ-H050GXN4
LZ-H080GXN4
LZ-H100GXN4



MODEL		ĐƠN VỊ	LZ-H050GXN4	LZ-H080GXN4	LZ-H100GXN4
Công suất	Làm lạnh	kW	4,93	7,46	9,12
	Sưởi ấm	kW	6,73	9,80	11,72
Hiệu suất trao đổi nhiệt độ	SH / H / L	%	86 / 86 / 87	80 / 80 / 81	76 / 76 / 78
Hiệu suất trao đổi Enthalpy	Làm lạnh (SH / H / L)	%	61 / 61 / 63	50 / 50 / 53	45 / 45 / 50
	Sưởi ấm (SH / H / L)	%	76 / 76 / 77	67 / 67 / 69	64 / 64 / 66
Phạm vi hoạt động	Nhiệt độ không khí ngoài trời	°C	-15 ~ 45	-15 ~ 45	-15 ~ 45
Lưu lượng gió	Chế độ trao đổi nhiệt (SH / H / L)	m^3/h	500 / 500 / 440	800 / 800 / 640	1.000 / 1.000 / 820
	Chế độ Bypass (SH / H / L)	m^3/h	500 / 500 / 440	800 / 800 / 640	1.000 / 1.000 / 820
Quạt	Áp suất tĩnh ngoài (ESP)	Pa	180 / 150 / 110	170 / 120 / 80	150 / 100 / 70
Áp suất âm thanh	Chế độ trao đổi nhiệt (SH / H / L)	dB (A)	39 / 37 / 35	41 / 38 / 36	41 / 39 / 36
	Chế độ Bypass (SH / H / L)	dB (A)	39 / 37 / 35	41 / 38 / 36	41 / 39 / 36
Môi chất lạnh			R410A		
Nguồn cấp		Φ, V, Hz	1, 220 ~ 240, 50 / 60		
Điện năng tiêu thụ (Danh định)	Chế độ trao đổi nhiệt (SH / H / L)	kW	0,25 / 0,20 / 0,15	0,42 / 0,35 / 0,25	0,48 / 0,42 / 0,27
	Chế độ Bypass (SH / H / L)	kW	0,25 / 0,20 / 0,15	0,42 / 0,35 / 0,25	0,48 / 0,42 / 0,27
Dòng chạy máy danh định (RPA)	Chế độ trao đổi nhiệt (SH / H / L)	A	1,5 / 1,3 / 1,0	2,5 / 2,0 / 1,5	3,6 / 3,2 / 2,3
	Chế độ Bypass (SH / H / L)	A	1,5 / 1,3 / 1,0	2,5 / 2,0 / 1,5	3,6 / 3,2 / 2,3
Chế độ trao đổi nhiệt			Tổng mức trao đổi nhiệt (Nhiệt hiện + nhiệt ẩn) của dòng khí chéo		
Yếu tố trao đổi nhiệt			Giấy không cháy được xử lý đặc biệt		
Bộ lọc không khí			Vải dạng sợi đa chiều		
Kích thước	Rộng × Cao × Sâu	mm	1.667 × 365 × 1,140		
Trọng lượng thực		kg	98		
Kích thước nối ống	Ống lỏng	mm	Ø 6,35		
	Ống hơi	mm	Ø 12,7		
	Nước	mm	-		
	Ống nước ngưng (đường kính trong)	mm (inch)	Ø 25 (1)		
Đường kính ống nối		mm	Ø 250		

Ghi chú:
1. Điều kiện thử nghiệm công suất làm lạnh - Nhiệt độ trong nhà: 27°C DB, 19°C WB / Nhiệt độ ngoài trời: 35°C DB
2. Điều kiện thử nghiệm công suất sưởi ấm - Nhiệt độ trong nhà: 20°C DB / Nhiệt độ ngoài trời: 7°C DB, 6°C WB
3. Công suất tạo ẩm dựa trên các điều kiện sau - Nhiệt độ trong nhà: 20°C DB, 15°C WB / Nhiệt độ ngoài trời: 7°C DB, 6°C WB
4. Công suất làm lạnh và sưởi ấm tùy thuộc vào các điều kiện sau. : Quạt dựa trên tốc độ cao và rất cao.
5. Âm thanh hoạt động đo được tại điểm cách phần chính giữa của thiết bị 1,5 m sẽ được chuyển đổi thành âm thanh đo được tại buồng không có âm vang.
6. Các thông số kỹ thuật, kiểu dáng và thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Phụ kiện

MODEL MÁY	LZ-H050GXH4	LZ-H080GXH4	LZ-H100GXH4	LZ-H050GXN4	LZ-H080GXN4	LZ-H100GXN4
Bơm nước ngưng	-					
Bộ phát hiện rò rỉ môi chất lạnh	PRLDNVS0					
Bộ EEV	-					
Mô-đun nguồn đa nhiệm	-					
Robot làm sạch	-					
Bộ lọc sơ cấp (có thể rửa được)	-					
Bộ tạo ion	-					
Cảm biến CO_2	AHCS100H0					
Bộ thông gió	-					
Bộ thu sóng hồng ngoại	-					
Điều khiển vùng	-					
Bộ tiếp điểm khô (có phụ kiện bổ sung)	PDRYCB000 (1 tiếp điểm khô), PDRYCB500 (Modbus)					
Tín hiệu điều khiển bên ngoài (1 tiếp điểm)	○					
Hỗ trợ kết nối Wi-Fi	-					

※ ○ : Áp dụng, - : Không áp dụng
Tùy chọn: Xem tên model trong bảng



TRUNG TÂM LG ACADEMY

Nhằm hỗ trợ các đối tác và khách hàng tìm hiểu về sản phẩm, ngành điều hoà thương mại LG Electronics Việt Nam có 3 cơ sở LG Academy khắp cả nước.

Không chỉ là không gian trưng bày và trải nghiệm sản phẩm, LG Academy cũng thường xuyên tổ chức những chương trình đào tạo, cung cấp những kiến thức về thiết kế và lắp đặt cho các khách hàng và đối tác của LG bao gồm: các chủ đầu tư, nhà thầu, đơn vị tư vấn thiết kế, lắp đặt, và sinh viên ngành điện lạnh.

Hà Nội	27 Lê Văn Lương, Nhân Chính, Quận Thanh Xuân
TP.HCM	65 Trương Định, Phường 6, Quận 3
Đà Nẵng	89 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu



HI-M SOLUTEK VIETNAM

HI-M Solutek là công ty con trực thuộc LG Electronics chuyên cung cấp các dịch vụ và bảo trì tổng thể cho điều hòa thương mại HVAC của LG.

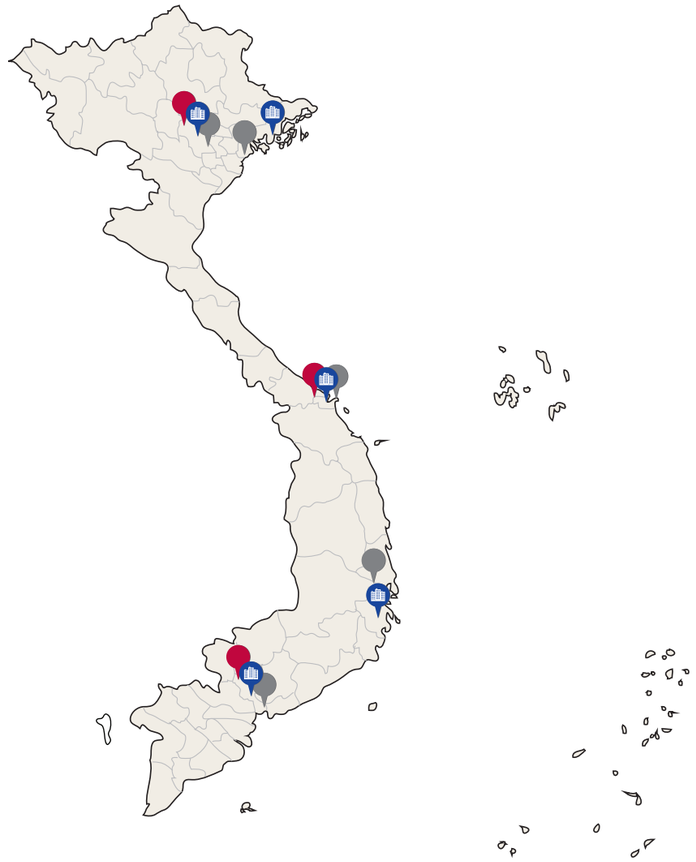
Hi-M SOLUTEK cung cấp các dịch vụ sau: Dịch vụ và bảo trì Điều hoà cục bộ và Điều hoà VRF Multi V, Dịch vụ và bảo trì Chiller, Dịch vụ quản lý bảo dưỡng từ xa trên nền tảng Becon Cloud.

Hà Nội	Tầng 35, Tòa nhà Keangnam Landmark 72, Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, quận Cầu Giấy
Hải Phòng	Phương Chử Đông, xã Trường Thành, huyện An Lão
Đà Nẵng	Tầng 9, Toà nhà Indochina, 74 Bạch Đằng, quận Hải Châu
Nha Trang	Tầng 7, Tòa nhà Nha Trang, 42 đường Lê Thành Phương, phường Phương Sài
HCM	Tầng 2, LG Academy, 65 Trương Định, Quận 3

LG Văn phòng

LG Academy

Hi-M Solutek



www.lg.com/vn/business
www.partner.lge.com/vn

LG ELECTRONICS VIỆT NAM

Hà Nội	Tầng 15-16, Tòa văn phòng, Lotte Mall Hà Nội, 272 Võ Chí Công, Phú Thượng, Tây Hồ – Tel: 024 3934 5151
Hồ Chí Minh	Tầng 12, Tòa nhà Sofic, 10 Mai Chí Thọ, Thủ Thiêm, TP. Thủ Đức - Tel: 028 3925 6886
Đà Nẵng	Tầng 9, Tòa nhà Indochina, 74 đường Bạch Đằng, Hải Châu – Tel: 0236 3691 307
Nha Trang	Tầng 7, Tòa nhà Nha Trang, 42 Lê Thành Phương, Phương Sài – Tel: 0258 3813 468
Hạ Long	Shophouse, Lô D2–06, TTTM Hạ Long Marine Plaza, Bãi Cháy – Tel: 0203 3900 369

Hotline: **1800 1503** LG HVAC Vietnam LG Vietnam

*Để liên tục phát triển sản phẩm, LG có quyền thay đổi thông số kỹ thuật hoặc thiết kế mà không cần thông báo trước

***Lưu ý**
Đây là thiết bị sử dụng công nghệ biến tần nên có thể sinh ra sóng hài. Nếu pháp luật sở tại hoặc Chủ đầu tư yêu cầu cần triệt tiêu sóng hài tại công trình, vui lòng phối hợp với đơn vị thiết kế điện để thực hiện các biện pháp triệt tiêu sóng hài. Liên hệ với nhà cung cấp để có thêm thông tin chi tiết về đặc tính điện năng của sản phẩm điều hòa LG.

LG HVAC